

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**  
**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ (CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ)**

*(Dự thảo ngày 19 tháng 01 năm 2018)*

**Hà Nội, tháng 01 năm 2018**

# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC.....	3
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	3
III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	4
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.....	5
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	11
LỚP 6.....	12
LỚP 7.....	20
LỚP 8.....	27
LỚP 9.....	34
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC.....	44
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	47
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	48
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH.....	61

## **I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC**

Lịch sử và Địa lí ở trung học cơ sở là môn học bắt buộc, được dạy học ở cả bốn lớp (6, 7, 8 và 9). Môn Lịch sử và Địa lí góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh trong giai đoạn giáo dục cơ bản, tạo tiền đề cho học sinh tiếp tục học giai đoạn phân hoá và giáo dục định hướng nghề nghiệp. Môn Lịch sử và Địa lí có thể mạnh riêng trong việc góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực cốt lõi của học sinh đã được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, gồm các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, và năng lực chuyên môn tìm hiểu tự nhiên và xã hội.

Lịch sử và Địa lí là môn học tích hợp gồm Lịch sử và Địa lí. Các mạch kiến thức của Lịch sử và Địa lí được tích hợp ở mức độ đơn giản, sắp xếp gần nhau nhằm soi sáng và hỗ trợ lẫn nhau. Đồng thời, có một số chủ đề chung mang tính tích hợp cao.

## **II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí tuân thủ quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và kế hoạch giáo dục được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, đồng thời nhấn mạnh một số điểm sau đây.

– Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở hướng tới phát triển năng lực tư duy, nhìn nhận thế giới như một chỉnh thể theo cả chiều không gian và chiều thời gian trên cơ sở sử dụng những kiến thức cốt lõi, các công cụ học tập và nghiên cứu Lịch sử và Địa lí. Thông qua đó, học sinh có năng lực vận dụng các kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn và từng bước sáng tạo.

– Chương trình môn học Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở kế thừa, phát huy ưu điểm chương trình môn Lịch sử và môn Địa lí hiện hành, tiếp thu kinh nghiệm của các nước tiên tiến trên thế giới trong phát triển chương trình môn học; nội dung môn học vừa đảm bảo tính khoa học, vừa phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và trình độ nhận thức của học sinh.

– Cấu trúc chương trình môn học được xây dựng theo logic: nội dung giáo dục Lịch sử được thiết kế theo tuyến tính thời gian từ thời nguyên thủy đến cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại, trong từng thời kì có sự đan xen lịch sử thế giới, khu vực và Việt Nam. Trong nội dung giáo dục Địa lí, mạch nội dung đi từ địa lí đại cương đến địa lí khu vực và địa lí Việt Nam. Chú trọng lựa chọn các chủ đề, kiến thức và kĩ năng trụ cột, kết nối kiến thức và kĩ năng để hình thành và phát triển năng lực. Đặc trưng của khoa học Lịch sử và khoa học Địa lí được coi trọng.

– Trong chương trình có ba mức độ tích hợp nội dung Lịch sử và Địa lí: a) tích hợp nội môn (trong từng nội dung giáo dục Lịch sử và giáo dục Địa lí); b) tích hợp nội dung Lịch sử trong những phần phù hợp của bài Địa lí và tích hợp nội dung Địa lí trong những phần phù hợp của bài Lịch sử, nhằm tạo ra sự đối chiếu, tương tác tốt nhất giữa các kiến thức của hai phân môn; c) tích hợp tạo thành chủ đề chung.

– Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở chú trọng việc đổi mới phương pháp giáo dục, nhấn mạnh việc sử dụng các phương tiện dạy học, đa dạng hoá hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá. Chương trình khuyến khích việc xây dựng các phòng học bộ môn ở những nơi có điều kiện; sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại, phù hợp với nội dung chương trình, bao gồm các loại bản đồ, hiện vật, phương tiện nghe – nhìn,... Học sinh cần được tham gia các buổi tham quan, học tập ở thực địa, có các hoạt động học tập theo nhóm để giải quyết những bài tập nhận thức có mức độ phức tạp khác nhau.

– Chương trình có tính mở, cho phép có những điều chỉnh tùy theo điều kiện giáo dục của địa phương, đối tượng học sinh (học sinh giỏi, học sinh vùng khó khăn, học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt).

### **III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH**

Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở giúp học sinh hình thành và phát triển những năng lực chung và năng lực chuyên môn Lịch sử và Địa lí trên cơ sở nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về thế giới, quốc gia và địa phương, về các quá trình tự nhiên, kinh tế – xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian, về sự tương tác giữa xã hội loài người và môi trường thiên nhiên. Môn học cung cấp công cụ của các khoa học lịch sử và địa lí để học sinh biết cách thu thập, tổ chức và phân tích, tổng hợp các dữ kiện, từ đó hình thành ở học sinh năng lực diễn giải lịch sử và giải thích địa lí dựa trên chứng cứ; phân tích các quan hệ nhân quả, quan hệ qua lại giữa các đối tượng trong bối cảnh địa lí – lịch sử cụ thể.

Môn Lịch sử và Địa lí góp phần quan trọng vào việc hình thành nhân cách với tư cách là những công dân Việt Nam toàn cầu, sẵn sàng góp sức mình vào việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mục tiêu của phân môn Lịch sử ở cấp trung học cơ sở là giúp học sinh hình thành những năng lực chuyên môn như: năng lực nhận diện và hiểu tư liệu lịch sử, năng lực tái hiện và trình bày lịch sử, năng lực giải thích lịch sử, năng lực đánh giá lịch sử, năng lực vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn trên cơ sở hệ thống kiến thức cơ bản, toàn diện về lịch sử

dân tộc, khu vực và thế giới; giúp học sinh có khả năng tự làm việc với tài liệu, mở rộng tầm nhìn về sự kết nối giữa lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới. Trên nền tảng đó, Lịch sử giúp học sinh hình thành nhận thức khoa học về quá trình phát triển của lịch sử dân tộc, nâng cao ý thức tự hào dân tộc, lòng yêu nước, tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới.

Mục tiêu của phân môn Địa lí ở cấp trung học cơ sở là giúp học sinh hình thành những năng lực chuyên môn như: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, năng lực giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội), năng lực sử dụng các công cụ của địa lí học và khảo sát thực địa, năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn. Những năng lực này được hình thành trên cơ sở học sinh có kiến thức cơ bản, có chọn lọc về địa lí tự nhiên đại cương, địa lí các châu lục, địa lí Việt Nam, có các kĩ năng đơn giản trong sử dụng các công cụ của địa lí. Trên cơ sở đó, phân môn Địa lí khơi dậy ở học sinh ước muốn khám phá thế giới xung quanh, giúp học sinh hiểu được tầm quan trọng của kiến thức, kĩ năng và năng lực địa lí, có ý thức vận dụng những điều đã học vào thực tế.

#### **IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Trên cơ sở nội dung và phương pháp dạy học, chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở góp phần hình thành và phát triển ở học sinh những phẩm chất chủ yếu đã được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, trong đó nhấn mạnh các phẩm chất yêu nước, nhân ái, trách nhiệm.

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cũng góp phần phát triển các năng lực chung cụ thể là năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội. Ngoài ra, môn Lịch sử và Địa lí còn góp phần tăng cường năng lực tin học cho học sinh.

Môn Lịch sử và Địa lí là một trong những môn học có ưu thế trong việc hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội cho học sinh. Năng lực chuyên môn này được thể hiện ở các năng lực thành phần cụ thể như sau:

##### ***1. Các năng lực chuyên môn lịch sử***

– Năng lực nhận diện và hiểu tư liệu lịch sử: Năng lực này giúp học sinh có thể bước đầu nhận biết tư liệu lịch sử, hiểu được các văn bản chữ viết, hiện vật lịch sử, tranh ảnh, biểu đồ, bản đồ,... Năng lực nhận diện và hiểu văn bản lịch sử có ý nghĩa nền tảng trong việc xây dựng và phát triển các năng lực chuyên môn lịch sử đối với học sinh.

– Năng lực tái hiện và trình bày lịch sử: Năng lực này thể hiện ở việc học sinh có thể bước đầu trình bày lại được các sự kiện lịch sử cơ bản; xác định được các sự kiện lịch sử trong không gian và thời gian cụ thể; trình bày được sự phát triển của các sự kiện, hiện tượng lịch sử theo thời gian.

– Năng lực giải thích lịch sử: Năng lực này thể hiện ở việc học sinh giải thích được nguyên nhân, sự vận động của các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử; bước đầu giải thích được mối liên hệ giữa các sự kiện lịch sử.

– Năng lực đánh giá lịch sử: Năng lực này thể hiện ở việc học sinh bước đầu đưa ra những ý kiến nhận xét của mình về các sự kiện, nhân vật lịch sử; bước đầu hiểu được mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử.

– Năng lực vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn: Năng lực này thể hiện ở việc học sinh bước đầu có thể liên hệ những nội dung lịch sử đã học với thực tế cuộc sống.

**Bảng 1: Biểu hiện năng lực chuyên môn lịch sử**

Năng lực	Mô tả chi tiết
<b><i>Nhận diện và hiểu tư liệu lịch sử</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Bước đầu nhận diện và phân biệt được các loại hình tư liệu lịch sử, các dạng thức khác nhau của các nguồn tài liệu cơ bản của khoa học lịch sử. Bước đầu nhận biết được giá trị của tư liệu lịch sử trong việc tái hiện và nghiên cứu lịch sử.</li> <li>– Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản dưới sự hướng dẫn của giáo viên trong các bài học lịch sử.</li> </ul>
<b><i>Tái hiện và trình bày lịch sử</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả và bước đầu trình bày được những nét chính của các sự kiện lịch sử cơ bản với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả; diễn biến các trận đánh và cuộc chiến trên lược đồ, bản đồ lịch sử.</li> <li>– Trình bày được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, kết quả của các sự kiện, hiện tượng lịch sử.</li> <li>– Phân tích được những tác động của bối cảnh không gian, thời gian đến các sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử.</li> </ul>

Năng lực	Mô tả chi tiết
<b><i>Giải thích lịch sử</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày và đưa ra nhận xét về những nhân tố tác động đến sự kiện, nhân vật lịch sử, quá trình lịch sử; giải thích được kết quả của sự kiện, diễn trình lịch sử.</li> <li>– Bước đầu giải thích được mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử, mối quan hệ tác động qua lại của các sự kiện, hiện tượng với hoàn cảnh lịch sử.</li> </ul>
<b><i>Đánh giá lịch sử</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được chủ kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử,..., như lập luận khẳng định hoặc phủ định của các nhận định, nhận xét về một sự kiện, hiện tượng, vấn đề hay nhân vật lịch sử,...</li> </ul>
<b><i>Vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Sử dụng kiến thức lịch sử để giải thích, mô tả một số sự kiện, hiện tượng lịch sử trong cuộc sống.</li> <li>– Vận dụng kiến thức lịch sử để phân tích và đánh giá tác động của một sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử đối với cuộc sống hiện tại.</li> <li>– Vận dụng được kiến thức lịch sử để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống, hay giải thích các vấn đề thời sự đang diễn ra ở trong nước và thế giới.</li> </ul>

## ***2. Các năng lực chuyên môn địa lí***

– Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Năng lực này giúp học sinh phát triển tư duy không gian, hình thành ở học sinh cách tiếp cận các sự vật và hiện tượng địa lí diễn ra trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian – thời gian, trả lời các câu hỏi cơ bản: Cái gì? Ở đâu? Như thế nào?,...

– Năng lực giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội): Năng lực này thể hiện ở việc học sinh nắm được kiến thức, kĩ năng phân tích các mối liên hệ (tương hỗ, nhân quả) giữa các hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên, giữa các hiện tượng, quá trình địa lí kinh tế – xã hội cũng như giữa hệ thống tự nhiên và hệ thống kinh tế – xã hội.

– Năng lực sử dụng các công cụ của địa lí học và khảo sát thực địa: Năng lực này được hình thành trên cơ sở học sinh có các kĩ năng làm việc với atlas địa lí, bản đồ, lược đồ, biểu đồ, sơ đồ, lát cắt, mô hình, bảng số liệu, tranh ảnh, những trải nghiệm thực địa mà học sinh được tham gia.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn: Năng lực này thể hiện ở việc học sinh vận dụng được kiến thức thực tế để bổ sung, làm sáng rõ kiến thức địa lí; đồng thời vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào nhận thức hoặc nghiên cứu một chủ đề vừa sức trong thực tiễn.

**Bảng 2: Biểu hiện năng lực chuyên môn địa lí**

<b>Năng lực</b>	<b>Mô tả chi tiết</b>
<b><i>Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian</i></b>	
<i>Định hướng không gian</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết sử dụng các phương tiện khác nhau, đặc biệt là địa bàn để xác định chính xác phương hướng.</li> <li>– Biết xác định vị trí địa lí của một địa điểm và phương hướng trên bản đồ. Biết phân tích phạm vi, quy mô của một lãnh thổ.</li> </ul>
<i>Phân tích vị trí địa lí</i>	– Biết phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các quá trình tự nhiên và kinh tế – xã hội.
<i>Phân tích sự phân bố</i>	– Mô tả được đặc điểm phân bố của đối tượng, hiện tượng địa lí nhất định.
<i>Diễn đạt sự cảm nhận không gian</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Sử dụng được bản đồ trí nhớ để mô tả cảm nhận về không gian.</li> <li>– Sử dụng được lược đồ để diễn tả mối quan hệ không gian giữa các hiện tượng, sự vật địa lí.</li> <li>– Mô tả được một địa phương với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư và kinh tế. Từ đó hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt địa phương này với địa phương khác.</li> </ul>
<b><i>Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội)</i></b>	
<i>Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả được một số hiện tượng và quá trình địa lí trên Trái Đất.</li> <li>– Mô tả được sự phân hoá của thiên nhiên các châu lục theo chiều đông tây, bắc nam và theo độ cao.</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả được các đặc điểm chủ yếu của thiên nhiên Việt Nam. Giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá thiên nhiên Việt Nam.</li> <li>– Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình tự nhiên.</li> <li>– Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả: một nguyên nhân – nhiều kết quả; nhiều nguyên nhân – một kết quả,... trong mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trong một số tình huống.</li> </ul>
<i>Phân tích các mối quan hệ tương hỗ và quan hệ nhân quả trong kinh tế – xã hội</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả được sự phân hoá không gian của các hiện tượng dân cư, quần cư, kinh tế, văn hoá. Giải thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hoá đó qua một ví dụ cụ thể.</li> <li>– Tìm được các minh chứng về mối quan hệ tương hỗ và nhân quả trong sự phát triển và phân bố dân cư và các ngành kinh tế.</li> <li>– Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình kinh tế – xã hội.</li> <li>– Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ nhân quả: một nguyên nhân – nhiều kết quả; nhiều nguyên nhân – một kết quả,... trong đời sống kinh tế – xã hội.</li> </ul>
<i>Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục.</li> <li>– Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phân bố dân cư, sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế thông qua ví dụ cụ thể về địa lí Việt Nam.</li> </ul>
<i>Phân tích tác động của xã hội loài người lên môi trường tự nhiên</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được cách thức mà con người ở các châu lục đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.</li> <li>– Hiểu được rằng cách thức và hiệu quả tác động của con người lên môi trường tự nhiên phụ thuộc nhiều vào chế độ xã hội, phương thức sản xuất, trình độ khoa học công nghệ.</li> </ul>

<i>Sử dụng các công cụ của địa lí học và khảo sát thực địa</i>	
<i>Khai thác tài liệu thành văn</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm được nội dung địa lí trong một đoạn văn.</li> <li>– Biết đặt tiêu đề/chú thích cho một bức ảnh, tranh vẽ từ góc nhìn địa lí.</li> <li>– Biết tìm kiếm tài liệu địa lí phục vụ cho một bài tập dự án về địa lí địa phương hay một chủ đề về địa lí Việt Nam.</li> </ul>
<i>Sử dụng bản đồ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nắm được các yếu tố bản đồ.</li> <li>– Biết đọc bản đồ tỉ lệ nhỏ về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết.</li> <li>– Biết sử dụng tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm.</li> <li>– Biết đọc lát cắt địa hình.</li> </ul>
<i>Tính toán, xử lí thống kê</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nắm được một số đại lượng đo các hiện tượng, quá trình tự nhiên.</li> <li>– Vận dụng được một số chỉ tiêu về địa lí dân cư: gia tăng dân số, tỉ suất sinh, tỉ suất chết, mật độ dân số,...</li> <li>– Vận dụng được một số chỉ tiêu đo sự phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế.</li> </ul>
<i>Phân tích biểu đồ, sơ đồ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết đọc biểu đồ khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa).</li> <li>– Biết đọc các dạng biểu đồ thông dụng trong phân tích động thái, cơ cấu, quy mô và đặc điểm phân bố của hiện tượng và đối tượng địa lí.</li> <li>– Đọc hiểu các sơ đồ, mô hình đơn giản.</li> </ul>
<i>Khảo sát thực địa</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết chuẩn bị điều kiện cần thiết trước khi thực hiện khảo sát thực địa.</li> <li>– Biết tiến hành một số quan sát, quan trắc ngoài thực địa.</li> <li>– Biết ghi chép nhật kí thực địa.</li> <li>– Biết viết thu hoạch sau một ngày thực địa.</li> </ul>

<i>Khai thác Internet</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế – xã hội từ những trang web được giáo viên giới thiệu.</li> <li>– Biết xác định các từ khoá trong tìm kiếm thông tin theo chủ đề.</li> <li>– Biết đánh giá thông tin tiếp cận được.</li> <li>– Có kỹ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao.</li> </ul>
<b><i>Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn</i></b>	
<i>Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật các tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước.</li> <li>– Biết liên hệ thực tế trong nước, địa phương để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí.</li> </ul>
<i>Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn.</li> <li>– Có khả năng trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm.</li> </ul>

## V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

### 1. Nội dung khái quát

Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở là một môn tích hợp gồm hai phân môn là Lịch sử và Địa lí, mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng. Mức độ tích hợp được thể hiện ở ba cấp độ: a) Tích hợp nội môn (trong từng nội dung giáo dục lịch sử và giáo dục địa lí); b) Tích hợp nội dung lịch sử trong những phần phù hợp của bài Địa lí và tích hợp nội dung địa lí trong những phần phù hợp của bài Lịch sử; c) Tích hợp theo các chủ đề chung.

Mạch nội dung của phân môn Lịch sử được sắp xếp theo logic thời gian lịch sử từ thời kì nguyên thuỷ, qua cổ đại, trung đại, đến cận đại và hiện đại. Trong từng thời kì, không gian lịch sử được tái hiện từ lịch sử thế giới, khu vực đến Việt Nam để đối chiếu, lí giải, làm sáng rõ những vấn đề lịch sử.

Mạch nội dung của phân môn Địa lí được sắp xếp theo logic không gian là chủ đạo, đi từ địa lí tự nhiên đại cương đến địa lí các châu lục, và sau đó tập trung vào các nội dung của địa lí tự nhiên Việt Nam, địa lí dân cư và địa lí kinh tế Việt Nam.

Mặc dù hai mạch nội dung được sắp xếp theo logic khác nhau, nhưng ở những điều kiện có thể, nội dung dạy học được bố trí hỗ trợ nhau. Chẳng hạn, các kiến thức cơ bản về bản đồ được dạy từ đầu lớp 6, được củng cố từng bước ở các lớp tiếp sau để hình thành kĩ năng bản đồ và năng lực tư duy không gian cần thiết cả khi học địa lí và lịch sử. Ở lớp 7, các nội dung về địa lí châu Âu và châu Á được đưa lên trước để có thể “song hành” với nội dung về lịch sử.

Trong chương trình môn học có bốn chủ đề chung mang tính tích hợp cao, được phân phối phù hợp với mạch nội dung chính của mỗi lớp.

## 2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

### LỚP 6

#### ĐỊA LÍ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Tại sao cần học Địa lí?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu</li> <li>– Những điều lí thú khi học Địa lí</li> <li>– Địa lí và cuộc sống</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt.</li> <li>– Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học Địa lí.</li> <li>– Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.</li> </ul>
<p><b>Trái Đất – Hành tinh của hệ Mặt Trời</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời</li> <li>– Hình dạng, kích thước Trái Đất</li> <li>– Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ</li> <li>– Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.</li> <li>– Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.</li> <li>– Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu; ghi được toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.</li> <li>– Mô tả được chuyển động của Trái Đất (quanh trục và quanh Mặt Trời).</li> </ul>



<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi</li> <li>– Các dạng địa hình chính</li> <li>– Khoáng sản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích hiện tượng tạo núi như là kết quả đấu tranh giữa các quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh.</li> <li>– Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.</li> <li>– Kể tên được một số loại khoáng sản.</li> <li>– Biết đọc một lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và một lát cắt địa hình.</li> </ul>
<p><b>Khí hậu và biến đổi khí hậu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Các tầng khí quyển. Thành phần không khí</li> <li>– Khí áp và gió. Các khối khí</li> <li>– Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu</li> <li>– Sự biến đổi khí hậu toàn cầu và biện pháp ứng phó</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu; hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic.</li> <li>– Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.</li> <li>– So sánh được đặc điểm về nhiệt độ và độ ẩm của một số khối khí.</li> <li>– Mô tả được sự phân hoá thành năm vòng đai nhiệt trên Trái Đất.</li> <li>– Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.</li> <li>– Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế.</li> <li>– Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; đọc được bản đồ khí hậu thế giới.</li> <li>– Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.</li> </ul>
<p><b>Nước trên Trái Đất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển</li> <li>– Vòng tuần hoàn nước</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.</li> <li>– Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.</li> </ul>

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Sông hồ và việc sử dụng nước sông, hồ</li>   <li>– Biển, đại dương và việc khai thác tài nguyên biển</li>   <li>– Nước ngầm và băng hà</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.</li> <li>– Giải thích được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.</li> <li>– Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới, các dòng biển.</li> <li>– Trình bày được các hiện tượng sóng, thủy triều.</li> <li>– Kể tên được các loại tài nguyên biển.</li> <li>– Giải thích được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.</li> </ul>
<p><b>Đất và sinh vật trên Trái Đất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Các nhân tố hình thành đất</li> <li>– Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất</li> <li>– Sự sống trên hành tinh</li> <li>– Sự phân bố các đới thiên nhiên</li> <li>– Rừng nhiệt đới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.</li> <li>– Kể tên được một số nhóm đất điển hình.</li> <li>– Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.</li> <li>– Nhận biết được sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.</li> <li>– Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới.</li> <li>– Tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.</li> </ul>
<p><b>Loài người trên Trái Đất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Dân số thế giới</li> <li>– Sự phân bố dân cư thế giới</li> <li>– Loài người là lực lượng hùng mạnh làm thay đổi thiên nhiên Trái Đất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.</li> <li>– Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.</li> <li>– Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất.</li> </ul>

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
– Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững	– Liên hệ được với thực tế địa phương về bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên.

## LỊCH SỬ

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<p><b>Tại sao cần học Lịch sử?</b></p> <p>– Lịch sử là gì?</p> <p>– Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?</p> <p>– Thời gian trong lịch sử</p>	<p>– Nêu được khái niệm lịch sử. Giải thích được lí do vì sao cần thiết và nên học Lịch sử.</p> <p>– Nêu và phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu.</p> <p>– Giải thích được một số khái niệm tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...</p>
<p><b>Thời kì nguyên thủy</b></p> <p>– Nguồn gốc loài người</p> <p>– Xã hội nguyên thủy</p> <p>– Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.</p>	<p>– Mô tả được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn thành người trên thế giới.</p> <p>– Xác định được những dấu tích của người cổ đại ở Đông Nam Á.</p> <p>– Nêu được những dấu tích của người cổ trên đất nước Việt Nam.</p> <p>– Mô tả được sơ lược các giai đoạn phát triển của xã hội loài người và đời sống con người thời nguyên thủy.</p> <p>– Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và ý nghĩa của nó đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp; sự hình thành xã hội có giai cấp.</p> <p>– Xác định được vị trí của một số trung tâm kim khí trên đất Việt Nam.</p>





<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<p><b>Khu vực Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỉ X</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được vị trí địa lí, trình bày được đặc điểm chung về điều kiện tự nhiên của khu vực Đông Nam Á, hải đảo và lục địa.</li> <li>– Trình bày được sự ra đời, phát triển của một số quốc gia ở Đông Nam Á trong giai đoạn này.</li> <li>– Mô tả được sự chuyển biến tình hình kinh tế, xã hội của Đông Nam Á.</li> <li>– Chỉ ra được ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ và văn minh Trung Hoa đối với Đông Nam Á.</li> </ul>
<p><b>Việt Nam từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ X</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn Lang – Âu Lạc</li>   <li>– Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc</li> <li>– Sự chuyển biến của xã hội Giao Chỉ – Giao Châu – An Nam trong thời Bắc thuộc</li>   <li>– Các cuộc khởi nghĩa giành độc lập và gìn giữ phát triển văn hoá dân tộc của</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được khoảng thời gian thành lập, vị trí của nhà nước Văn Lang – Âu Lạc.</li> <li>– Trình bày được một số nét chính về đời sống xã hội và tổ chức nhà nước Văn Lang – Âu Lạc.</li> <li>– Mô tả được những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc.</li> <li>– Trình bày được những nét chính về chính sách cai trị (chính trị, kinh tế, văn hoá) của phong kiến phương Bắc.</li> <li>– Phân tích được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hoá của Giao Chỉ – Giao Châu – An Nam trong thời Bắc thuộc.</li> <li>– Trình bày được những nét chính của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu, giải thích được nguyên nhân thắng lợi và thất bại của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.</li> <li>– Trình bày được bối cảnh lịch sử, kết quả của các cuộc vận động giành quyền tự chủ của họ Khúc và họ Dương.</li> </ul>

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<p>người Việt.</p> <p>– Đại Cồ Việt thời Đinh – Tiền Lê (968 – 1009)</p> <p>– Champa</p> <p>– Phù Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được điểm độc đáo trong việc tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền và nêu được ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng (938).</li> <li>– Nêu được quá trình chống đồng hoá về văn hoá, giữ gìn phát triển bản sắc văn hoá dân tộc.</li> <li>– Nêu được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh.</li> <li>– Giới thiệu được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn (981).</li> <li>– Mô tả được tổ chức chính quyền thời Đinh – Tiền Lê.</li> <li>– Trình bày được đời sống xã hội, văn hoá thời Đinh – Tiền Lê.</li> <li>– Xác định được vị trí của Champa trên bản đồ.</li> <li>– Mô tả được những nét cơ bản về sự thành lập, quá trình phát triển của Champa.</li> <li>– Trình bày được những nét chính về kinh tế, tổ chức xã hội và thành tựu văn hoá của Champa.</li> <li>– Xác định được vị trí của Phù Nam trên bản đồ.</li> <li>– Mô tả được những nét cơ bản về sự thành lập, quá trình phát triển, suy vong của Phù Nam.</li> <li>– Trình bày được những nét chính về đời sống kinh tế và tổ chức xã hội của Phù Nam.</li> </ul>

## LỚP 7

### ĐỊA LÍ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Châu Âu</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu; các khu vực địa hình chính</li><li>– Đặc điểm khí hậu, sông ngòi, các đới thiên nhiên</li><li>– Đặc điểm dân cư, xã hội</li><li>– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên</li><li>– Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí; đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu.</li><li>– Phân tích được đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga); các đới thiên nhiên.</li><li>– Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá châu Âu.</li><li>– Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.</li><li>– Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.</li></ul>
<p><b>Châu Á</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Vị trí địa lí, phạm vi châu Á</li><li>– Các khu vực địa hình và khoáng sản; các kiểu khí hậu; các sông và hồ lớn; các đới thiên nhiên</li><li>– Đặc điểm dân cư, xã hội</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>– Phân tích được đặc điểm vị trí địa lí; xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.</li><li>– Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.</li><li>– Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.</li></ul>

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á</li> <li>– Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.</li> <li>– Trình bày được đặc điểm của các khu vực ở châu Á.</li> <li>– Suu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á.</li> </ul>
<p><b>Châu Phi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi</li> <li>– Địa hình và khoáng sản, khí hậu, các sông hồ lớn, nước ngầm; các đới thiên nhiên</li> <li>– Đặc điểm dân cư, xã hội và bản đồ chính trị châu Phi</li> <li>– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên</li> <li>– Khái quát về Nam Phi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.</li> <li>– Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi; một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên.</li> <li>– Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi.</li> <li>– Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.</li> <li>– Suu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Nam Phi trong mấy thập niên gần đây.</li> </ul>
<p><b>Châu Mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ</li> <li>– Phát kiến ra châu Mỹ</li> <li>– Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu vực châu Mỹ (Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ)</li> <li>– Phương thức con người khai thác, sử dụng và</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.</li> <li>– Phân tích được ý nghĩa lịch sử của việc phát kiến ra châu Mỹ của Christopher Columbus (1492 – 1502).</li> </ul> <p><i>Bắc Mỹ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu; sông – hồ; các đới thiên nhiên.</li> </ul>

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<p>bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được một trong những vấn đề dân cư – xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá.</li> <li>– Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững.</li> <li>– Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng.</li> </ul> <p><i>Trung và Nam Mỹ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều Đông – Tây, theo chiều Bắc – Nam và theo chiều cao (trên dãy Andes); bí ẩn của rừng nhiệt đới Amazon.</li> <li>– Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh.</li> <li>– Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng Amazon.</li> </ul>
<p><b>Châu Đại Dương</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương</li> <li>– Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia</li> <li>– Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia.</li> <li>– Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia.</li> <li>– Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Australia.</li> <li>– Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia.</li> </ul>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Châu Nam Cực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vị trí địa lí của châu Nam Cực</li> <li>– Lịch sử phát kiến châu Nam Cực</li> <li>– Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu lục</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.</li> <li>– Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.</li> <li>– Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực.</li> <li>– Mô tả kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.</li> </ul>

## LỊCH SỬ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Châu Âu từ thế kỉ V đến nửa đầu thế kỉ XVI</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu</li> <li>– Các cuộc phát kiến địa lí</li> <li>– Văn hoá Phục hưng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được nét chính về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.</li> <li>– Nêu được những đặc điểm của lãnh địa phong kiến.</li> <li>– Phân tích được vai trò của thành thị trung đại.</li> <li>– Trình bày được sơ lược sự ra đời của Thiên chúa giáo.</li> <li>– Sử dụng lược đồ/bản đồ giới thiệu về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa và hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí lớn.</li> <li>– Trình bày được những biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI; những thành tựu tiêu biểu của văn hoá Phục hưng.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.</li> </ul>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Cải cách tôn giáo</li> <li>– Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được nguyên nhân của cải cách tôn giáo.</li> <li>– Trình bày được hệ quả của cải cách tôn giáo.</li> <li>– Nêu được những biểu hiện của sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại.</li> </ul>
<p><b>Trung Quốc từ nhà Đường đến nhà Thanh (từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được những nét cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hoá của Trung Quốc dưới các triều đại Đường, Minh, Thanh.</li> <li>– Mô tả được sự hình thành nhà nước chuyên chế Mông Cổ và cuộc xâm lược của Mông Cổ.</li> <li>– Giới thiệu được những thành tựu cơ bản của văn hoá Trung Quốc thời kì này.</li> </ul>
<p><b>Ấn Độ từ Gupta đến Mogul</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vương triều Gupta</li> <li>– Vương triều Hồi giáo Delhi</li> <li>– Đế quốc Mogul</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được sự ra đời và những nét chính về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội Ấn Độ thời các vương triều Gupta, Delhi, đế quốc Mogul.</li> <li>– Nêu được chính sách cai trị của người Hồi giáo và người Mông Cổ ở Ấn Độ.</li> <li>– Giới thiệu được một số thành tựu văn hoá Ấn Độ thời kì này.</li> </ul>
<p><b>Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Khái quát khu vực Đông Nam Á</li> <li>– Vương quốc Campuchia</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.</li> <li>– Mô tả được quá trình hình thành, phát triển và một số nét văn hoá tiêu biểu của vương quốc Campuchia.</li> <li>– Trình bày được những nét cơ bản về thời kì Angkor.</li> </ul>



Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Vương quốc Lào</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả được quá trình hình thành, phát triển và những thành tựu văn hoá tiêu biểu của vương quốc Lào.</li> <li>– Trình bày được sự phát triển của vương quốc Lan Xang.</li> </ul>
<p><b>Đại Việt từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XV</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đại Việt từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XIII: thời Lý</li> <li>– Đại Việt từ thế kỉ XIII đến đầu thế kỉ XV: thời Trần, Hồ</li> <li>+ Thời Trần</li> <li>+ Thời Hồ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được sự thành lập nhà Lý, những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đại Việt thời Lý.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa của sự kiện dời đô ra Đại La,</li> <li>– Đánh giá được vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077).</li> <li>– Trình bày được sự thành lập nhà Trần và những nét chính về tình hình chính trị, về kinh tế, xã hội và những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đại Việt trong thời Trần.</li> <li>– Tường thuật được diễn biến cơ bản; phân tích được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.</li> <li>– Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần, như: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,...</li> <li>– Trình bày được sự thành lập nhà Hồ, một số cải cách của Hồ Quý Ly.</li> <li>– Nêu được tác động của cải cách Hồ Quý Ly đối với xã hội Đại Việt.</li> <li>– Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân Minh.</li> <li>– Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.</li> </ul>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Đại Việt từ đầu thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XVI</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)</li>   <li>– Đại Việt thời Lê sơ (1428 – 1527)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được các giai đoạn và một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.</li> <li>– Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.</li> <li>– Đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn, như: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...</li> <li>– Trình bày được bối cảnh thành lập triều Lê sơ.</li> <li>– Nêu được tình hình kinh tế – xã hội Đại Việt thời Lê sơ.</li> <li>– Nêu được sự phát triển văn hoá, giáo dục thời Lê sơ.</li> <li>– Giới thiệu được một số danh nhân văn hoá xuất sắc của dân tộc thời Lê sơ.</li> </ul>

### CHỦ ĐỀ CHUNG

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Các cuộc đại phát kiến địa lí</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nguyên nhân của các cuộc phát kiến địa lí</li> <li>– Một số cuộc đại phát kiến địa lí</li> <li>– Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.</li> <li>– Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).</li> <li>– Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí.</li> </ul>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Đô thị: Lịch sử và hiện tại (1)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Các đô thị cổ đại và các nền văn minh cổ đại</li> <li>– Các đô thị trung đại châu Âu và giới thương nhân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể).</li> <li>– Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại; vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại.</li> </ul>

## LỚP 8

### ĐỊA LÍ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ tự nhiên Việt Nam</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đặc điểm vị trí địa lí và ảnh hưởng của vị trí địa lí đến sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam</li> <li>– Phạm vi lãnh thổ tự nhiên Việt Nam</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được đặc điểm vị trí địa lí;</li> <li>– Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm môi trường tự nhiên.</li> </ul>
<p><b>Đặc điểm địa hình Việt Nam</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đặc điểm chung của địa hình</li> <li>– Các khu vực địa hình</li> <li>– Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình</li> <li>– Ý nghĩa đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được ba đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.</li> <li>– Phân tích được đặc điểm của các khu vực địa hình: Địa hình đồi núi; Địa hình đồng bằng; Địa hình bờ biển và thềm lục địa.</li> <li>– Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.</li> </ul>

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<p><b>Đặc điểm khí hậu và thủy văn Việt Nam</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng</li>   <li>– Chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu</li>   <li>– Đặc điểm sông ngòi. Chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn</li> <li>– Hồ, đầm và nước ngầm</li> <li>– Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.</li> <li>– Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam.</li> <li>– Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.</li> <li>– Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu và tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.</li> <li>– Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.</li> <li>– Phân tích được vai trò của nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.</li> <li>– Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông.</li> </ul>
<p><b>Đặc điểm thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng</li> <li>– Ba nhóm đất chính: Đặc điểm và sự phân bố</li> <li>– Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Việt Nam</li>   <li>– Thế giới sinh vật đa dạng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.</li> <li>– Trình bày được đặc điểm phân bố của 3 nhóm đất chính.</li> <li>– Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.</li> <li>– Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản.</li> <li>– Chứng minh sự đa dạng của thế giới sinh vật ở Việt Nam.</li> </ul>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam	– Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất, vấn đề bảo tồn sự đa dạng sinh học.
<p><b>Biển đảo Việt Nam</b></p> <p>– Vị trí địa lí, vị thế và đặc điểm vùng biển đảo Việt Nam</p> <p>– Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông</p> <p>– Tài nguyên và môi trường biển đảo Việt Nam</p>	<p>– Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam.</p> <p>– Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc; trình bày được các khái niệm vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).</p> <p>– Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam</p> <p>– Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam.</p>

## LỊCH SỬ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Cách mạng tư sản từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII ở châu Âu và Bắc Mỹ</b></p>	<p>– Xác định được trên bản đồ thế giới nơi diễn ra các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII.</p> <p>– Trình bày được những nét chính (nguyên nhân bùng nổ, diễn biến chính, kết quả), phân tích tính chất và ý nghĩa của một số cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu ở Anh, Pháp, Mỹ.</p> <p>– Nêu được khái niệm “Cách mạng tư sản”.</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được quá trình xâm nhập của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á.</li> <li>– Chỉ ra được những nét nổi bật của tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây.</li> <li>– Mô tả được những nét chính về chính sách cai trị của các nước phương Tây ở Đông Nam Á và cuộc đấu tranh chống ách đô hộ các nước phương Tây ở Đông Nam Á.</li> </ul>
<p><b>Đại Việt từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn</li> <li>– Những nét chính trong quá trình mở cõi từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII</li> <li>– Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được nguyên nhân bùng nổ xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn.</li> <li>– Nêu được hệ quả của xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn.</li> <li>– Trình bày được khái quát về việc mở cõi của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.</li> <li>– Trình bày được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của các chúa Nguyễn.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của các chúa Nguyễn.</li> <li>– Mô tả được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả) của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.</li> <li>– Nêu được tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.</li> </ul>

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phong trào Tây Sơn</li>   <li>– Kinh tế, văn hoá trong các thế kỉ XVI – XVIII</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả) của phong trào Tây Sơn.</li> <li>– Nêu được công hiến và hạn chế của phong trào Tây Sơn.</li> <li>– Trình bày được một số thành tựu tiêu biểu về kinh tế, văn hoá ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.</li> <li>– Phân tích được những chuyển biến về kinh tế, văn hoá ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.</li> </ul>
<p><b>Châu Âu và nước Mỹ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cách mạng công nghiệp</li>   <li>– Các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ nửa cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX</li>   <li>– Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa của cách mạng công nghiệp.</li> <li>– Mô tả được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.</li> <li>– Nêu được một số nét chính, tác động và ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.</li> </ul>
<p><b>Sự phát triển của kĩ thuật, khoa học, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.</li> <li>– Nêu được tác động của sự phát triển khoa học kĩ thuật, văn học – nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.</li> </ul>
<p><b>Châu Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trung Quốc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc.</li> </ul>

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhật Bản</li>   <li>– Ấn Độ</li>   <li>– Đông Nam Á</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được những nét chính, giải thích được nguyên nhân thắng lợi và nêu được ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.</li> <li>– Trình bày được hoàn cảnh, những nội dung chính của cuộc Duy tân Minh Trị.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị đối với Nhật Bản.</li> <li>– Phân tích được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.</li> <li>– Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.</li> <li>– Nêu được nét chính về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.</li> </ul>
<p><b>Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được những nét chính tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội Việt Nam thời nhà Nguyễn; quá trình Pháp xâm lược Việt Nam; cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.</li> <li>– Nêu được những nguyên nhân chính khiến cho Việt Nam bị thực dân Pháp đô hộ.</li> <li>– Trình bày được những nét chính của phong trào Cần vương, một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và cuộc khởi nghĩa Yên Thế.</li> <li>– Trình bày được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Tất Thành.</li> <li>– Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của người Pháp đối với xã hội Việt Nam.</li> </ul>



Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<b>Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ nhất.</li> <li>– Trình bày sơ lược diễn biến các giai đoạn, kết cục của Chiến tranh thế giới thứ nhất.</li> <li>– Phân tích và giải thích kết quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất.</li> <li>– Nêu được hệ quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất.</li> </ul>

### CHỦ ĐỀ CHUNG

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<b>Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (1)</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Quá trình hình thành và phát triển châu thổ; chế độ nước của các dòng sông chính</li> <li>– Quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự các dòng sông</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được quá trình hình thành và phát triển châu thổ; mô tả được chế độ nước của các dòng sông chính.</li> <li>– Trình bày được quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của các dòng sông.</li> </ul>
<b>Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam (1)</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam</li> <li>– Đặc điểm tự nhiên môi trường biển, đảo</li> <li>– Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển (theo Luật Biển Việt Nam) và các đảo Việt Nam.</li> <li>– Trình bày được những nét chính về điều kiện tự nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo.</li> <li>– Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.</li> </ul>

## LỚP 9

### ĐỊA LÍ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Địa lí dân cư Việt Nam</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thành phần dân tộc</li> <li>– Gia tăng dân số ở các thời kì</li> <li>– Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính</li> <li>– Phân bố dân cư</li> <li>– Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn</li> <li>– Lao động và việc làm</li> <li>– Chất lượng cuộc sống</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.</li> <li>– Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số.</li> <li>– Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.</li> <li>– Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư.</li> <li>– Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và nông thôn.</li> <li>– Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương.</li> <li>– Phân tích được sự phân hoá thu nhập theo vùng.</li> </ul>
<p><b>Địa lí các ngành kinh tế</b></p> <p><i>Nông, lâm, thuỷ sản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản</li> <li>– Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản</li> <li>– Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh</li> </ul> <p><i>Công nghiệp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp</li> <li>– Sự phát triển và phân bố các ngành công nghiệp chủ yếu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.</li> <li>– Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thuỷ sản.</li> <li>– Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản.</li> <li>– Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.</li> <li>– Phân tích được vai trò của một trong số các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.</li> <li>– Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong số các ngành công nghiệp chủ yếu.</li> </ul>

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<p>– Vấn đề phát triển công nghiệp xanh</p> <p><i>Dịch vụ</i></p> <p>– Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ</p> <p>– Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông</p> <p>– Thương mại, du lịch: Một số xu hướng trong phát triển các ngành dịch vụ, du lịch</p>	<p>– Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính.</p> <p>– Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.</p> <p>– Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.</p> <p>– Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính.</p> <p>– Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông.</p> <p>– Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.</p>
<p><b>Sự phân hoá lãnh thổ</b></p> <p><i>Vùng Miền núi và trung du Bắc Bộ</i></p> <p>– Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ</p> <p>– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</p> <p>– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng</p> <p>– Đặc điểm phát triển và phân bố của các ngành kinh tế của vùng</p>	<p>– Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.</p> <p>– Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thuỷ sản, du lịch.</p> <p>– Phân tích được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư.</p> <p>– Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các kinh tế của vùng.</p>
<p><i>Vùng Đồng bằng sông Hồng</i></p> <p>– Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ</p>	<p>– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của vùng; ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển.</p>

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</li> <li>– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng</li> <li>– Đặc điểm phát triển và phân bố của các ngành kinh tế của vùng</li> <li>– Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông – lâm – thủy sản; vấn đề phát triển kinh tế biển.</li> <li>– Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng.</li> <li>– Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội.</li> <li>– Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng.</li> <li>– Sưu tầm tư liệu và trình bày về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.</li> </ul>
<p><i>Vùng Bắc Trung Bộ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ</li> <li>– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</li> <li>– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng</li> <li>– Đặc điểm phát triển và phân bố của các ngành kinh tế của vùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.</li> <li>– Trình bày được đặc điểm phân hoá của tự nhiên và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng.</li> <li>– Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ.</li> <li>– Giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ.</li> <li>– Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ.</li> <li>– Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ.</li> <li>– Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở vùng Bắc Trung Bộ.</li> </ul>
<p><i>Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của vùng; ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.</li> </ul>

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</li> <li>– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng</li> <li>– Đặc điểm phát triển và phân bố của các ngành kinh tế của vùng</li>   <li>– Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được đặc điểm môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên; các thế mạnh và hạn chế chính về mặt tự nhiên.</li> <li>– Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc.</li> <li>– Phân tích được những chuyển biến trong phát triển và phân bố kinh tế của vùng.</li> <li>– Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng.</li> <li>– Trình bày về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.</li> </ul>
<p><i>Vùng Tây Nguyên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ</li> <li>– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</li> <li>– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng</li> <li>– Đặc điểm phát triển và phân bố của các ngành kinh tế của vùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của vùng.</li> <li>– Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về tự nhiên của vùng.</li> <li>– Phân tích được đặc điểm dân cư, văn hoá các dân tộc Tây Nguyên.</li> <li>– Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên; các vấn đề môi trường trong phát triển.</li> </ul>
<p><i>Vùng Đông Nam Bộ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ</li> <li>– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</li> <li>– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng</li> <li>– Đặc điểm phát triển và phân bố của các ngành kinh tế của vùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của vùng.</li> <li>– Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.</li> <li>– Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ.</li> <li>– Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong số các ngành kinh tế thế mạnh của vùng.</li> </ul>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng.</li> <li>– Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>– Trình bày về sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.</li> </ul>
<p><i>Vùng Đồng bằng sông Cửu Long</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ</li> <li>– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</li> <li>– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng</li> <li>– Đặc điểm phát triển và phân bố của các ngành kinh tế của vùng</li> </ul> <p>– Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được đặc điểm vị trí địa lí của vùng.</li> <li>– Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.</li> <li>– Phân tích được đặc điểm về dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.</li> <li>– Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng.</li> <li>– Phân tích được vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.</li> <li>– Trình bày về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.</li> </ul>
<p><b>Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Biển và đảo Việt Nam</li> <li>– Phát triển tổng hợp kinh tế biển</li> </ul> <p>– Khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đảo</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được các vùng biển quốc gia; kể tên các huyện đảo.</li> <li>– Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền.</li> <li>– Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền.</li> </ul>

## LỊCH SỬ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Thế giới từ năm 1918 đến năm 1945</b></p> <p>– Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945</p> <p>– Châu Âu và nước Mỹ từ 1918 đến 1945</p> <p>– Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945</p>	<p>– Mô tả một số nét về nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1922.</p> <p>– Trình bày được những thành tựu chính của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.</p> <p>– Phân tích được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.</p> <p>– Trình bày được những nét chính về tình hình châu Âu và Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (Sự phát triển kinh tế, Đại suy thoái 1929 – 1933, Chính sách mới của F.D. Roosevelt).</p> <p>– Phân tích được tác động của Đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933 đối với các nước Âu – Mỹ.</p> <p>– Trình bày được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.</p>
<p><b>Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)</b></p>	<p>– Mô tả được các giai đoạn và diễn trình chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai.</p> <p>– Giải thích và phân tích kết cục của Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân thắng lợi của cuộc chiến chống lại chủ nghĩa phát xít.</p>
<p><b>Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945</b></p>	<p>– Trình bày được một số vấn đề cơ bản của lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1939: cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp; phong trào dân tộc dân chủ những năm 1919 – 1930; hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; phong trào cách mạng 1930 –</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<p>1931, 1936 – 1939; một số nét chính của sự phát triển văn hoá, xã hội Việt Nam từ 1918 đến 1945.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được một số vấn đề quan trọng của lịch sử Việt Nam giai đoạn 1939 – 1945: quá trình chuyển hướng chiến lược của Đảng; sự ra đời và phát triển của Mặt trận Việt Minh; Cách mạng tháng Tám năm 1945, sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.</li> <li>– Đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong các quyết định quan trọng: chuyển hướng chiến lược, lãnh đạo giành chính quyền tháng Tám năm 1945.</li> <li>– Giải thích được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa của của Cách mạng tháng Tám năm 1945, sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.</li> </ul>
<p><b>Thế giới từ năm 1945 đến năm 1991</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Chiến tranh lạnh (1947 – 1991)</li> <li>– Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991</li> <li>– Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991</li> <li>– Mỹ Latinh và châu Phi từ năm 1945 đến năm 1991</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được những biểu hiện của Chiến tranh lạnh.</li> <li>– Giải thích được nguyên nhân và nêu được hậu quả của Chiến tranh lạnh.</li> <li>– Trình bày được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.</li> <li>– Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.</li> <li>– Mô tả được tình hình chung của các nước Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991; nét chính về cách mạng Cuba và kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba.</li> <li>– Trình bày được tình hình chung ở châu Phi từ năm 1945 đến năm 1991.</li> </ul>



<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giới thiệu được tình hình chung của các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991.</li> <li>– Trình bày được những nét chính về cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của tổ chức ASEAN.</li> </ul>
<p><b>Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Việt Nam trong những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám</li> <li>– Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp 1945 – 1954</li> <li>– Xây dựng chế độ mới ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước từ năm 1954 đến năm 1975</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được những biện pháp để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự của Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam.</li> <li>– Trình bày được cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Bộ.</li> <li>– Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.</li> <li>– Trình bày được nét chính của cuộc kháng chiến chống Pháp.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa lịch sử và giải thích được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.</li> <li>– Giới thiệu được những thành tựu chính trong xây dựng chế độ mới của nhân dân miền Bắc (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, xây dựng nền kinh tế mới, xã hội mới,...); các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân hai miền Nam Bắc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).</li> <li>– Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</li> </ul>

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Việt Nam trong những năm 1976 – 1985</li>   <li>– Việt Nam trên con đường đổi mới (1986 – 1991)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giới thiệu được những nét chính về công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo; tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.</li> <li>– Giải thích được nguyên nhân phải tiến hành đổi mới.</li> <li>– Trình bày được thành tựu và hạn chế trong 5 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới.</li> </ul>
<p><b>Thế giới sau thời kì Chiến tranh lạnh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay</li> <li>– Nước Mỹ và Tây Âu từ năm 1991 đến nay</li> <li>– Châu Á từ năm 1991 đến nay</li>   <li>– Đông Nam Á từ năm 1991 đến nay</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.</li> <li>– Nêu được những nét lớn về tình hình chính trị, kinh tế của Nga từ 1991 đến nay.</li> <li>– Trình bày được những nét lớn về tình hình chính trị, kinh tế của Mỹ và Tây Âu từ năm 1991 đến nay.</li> <li>– Giới thiệu được những nét lớn về tình hình chính trị, kinh tế của Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc từ năm 1991 đến nay.</li> <li>– Giải thích được nguyên nhân phát triển của kinh tế Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc từ năm 1991 đến nay.</li> <li>– Mô tả được quá trình phát triển từ ASEAN 6 đến ASEAN 10 và những nét chính của Cộng đồng ASEAN.</li> </ul>
<p><b>Việt Nam từ năm 1991 đến nay</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1991 đến năm 2015.</li> <li>– Phân tích được thời cơ và thách thức của Việt Nam trong công cuộc đổi mới.</li> </ul>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Cách mạng khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hoá</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cách mạng khoa học kĩ thuật</li> <li>– Xu thế toàn cầu hoá</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kĩ thuật thế kỉ XX và xu thế phát triển của khoa học kĩ thuật trong những năm đầu thế kỉ XXI.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa, những tác động tích cực, tiêu cực của cách mạng khoa học kĩ thuật và ảnh hưởng đến Việt Nam.</li> <li>– Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá.</li> <li>– Nêu được những tác động của xu hướng toàn cầu hoá đối với thế giới, khu vực và Việt Nam.</li> </ul>

### CHỦ ĐỀ CHUNG

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Đô thị: Lịch sử và hiện tại (2)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Các đô thị hiện đại</li> <li>– Xu hướng đô thị hoá trên thế giới</li> <li>– Đô thị hoá ở Việt Nam; đô thị và phát triển vùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực.</li> <li>– Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.</li> <li>– Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.</li> </ul>
<p><b>Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (2)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn minh các dòng sông</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông.</li> </ul>

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.</li> <li>– Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.</li> <li>– Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại.</li> </ul>
<p><b>Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam (2)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cơ sở lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo của Việt Nam</li> <li>– Vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được những cơ sở lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam.</li> <li>– Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định chủ quyền và quyền chủ quyền vùng biển và thềm lục địa.</li> </ul>

## **VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

Định hướng chung: Đề cao vai trò chủ thể học tập của học sinh, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; tập trung rèn luyện năng lực tự học, bồi dưỡng phương pháp học tập để học sinh có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hoá cần thiết cho bản thân; rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể.

Thông qua hoạt động dạy và học, giáo viên chú ý phát triển các năng lực chung, được thể hiện cụ thể sau đây:

- Năng lực tự chủ và tự học: được thể hiện thông qua năng lực tư duy độc lập, tự tổ chức, quản lí các hoạt động học tập. Khả năng tự học thể hiện khi học sinh biết đặt ra các câu hỏi về lịch sử và địa lí; học sinh biết tự tìm kiếm nguồn thông tin, tri thức bổ sung; biết tổ chức các thông tin thu thập được; biết phân tích thông tin lịch sử và địa lí; biết trả lời câu hỏi lịch sử

và địa lí; tự mình thực hiện những nhiệm vụ được phân công khi tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa và trong các tình huống phải làm việc độc lập khác.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực đối thoại liên văn hoá, tôn trọng sự khác biệt, hướng tới sự hoà giải và hợp tác trên cơ sở nắm được những đặc trưng của địa lí, lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và của các dân tộc khác trong khu vực và thế giới. Có thái độ tích cực trong việc góp phần chung tay giải quyết các vấn đề của xã hội và nhân loại (bảo tồn và phát triển di sản văn hoá, khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ hoà bình và phát triển bền vững,...).

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thể hiện ở việc học sinh biết thực hiện các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp trong giải quyết vấn đề; biết suy luận khoa học, có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề mới, đặc biệt là những vấn đề về mối quan hệ giữa tự nhiên và xã hội loài người.

– Năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội được cụ thể hoá thông qua những năng lực chuyên môn Lịch sử và Địa lí: Học sinh nắm và vận dụng được các khái niệm, các mối quan hệ cơ bản trong địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế – xã hội, giải thích được một số quá trình địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế – xã hội, nhận thức và giải thích lịch sử,... Học sinh có năng lực xác định chủ đề khám phá tự nhiên và xã hội; với sự trợ giúp, hướng dẫn của giáo viên có thể thực hiện chủ đề đã chọn.

Ngoài các năng lực chung, môn Lịch sử và Địa lí còn góp phần tăng cường năng lực tin học cho học sinh, thể hiện ở việc bồi dưỡng khả năng tìm kiếm thông tin từ Internet, kĩ năng cơ bản sử dụng các phần mềm tin học văn phòng để tổ chức và lưu giữ, xử lí thông tin và trình bày bài tập địa lí và bài tập lịch sử.

Kết hợp nhiều phương pháp dạy học trong một bài học: Phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh với việc tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tiên tiến đề cao vai trò chủ thể học tập của học sinh (thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án,...). Chú trọng các phương pháp dạy học có tính đặc trưng cho bộ môn.

Sử dụng hợp lí và có hiệu quả các thiết bị dạy học: Cần từng bước trang bị và sử dụng các thiết bị dạy học Lịch sử, trong đó chú trọng các loại hình: Mô hình hiện vật, tranh lịch sử, ảnh, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...; bản đồ, sơ đồ, các bản thống kê, so sánh,...; phim video; các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; phần mềm dạy học,... Việc sản xuất và sử dụng các thiết bị dạy học Lịch sử một mặt giúp minh hoạ bài giảng của giáo viên, mặt khác, chủ yếu hơn, nhằm tạo các nguồn

sử liệu phong phú, cụ thể, sinh động, giàu hình ảnh và giàu sức thuyết phục; trên cơ sở đó, tổ chức các hoạt động học tập, tự tìm tòi tri thức lịch sử của học sinh một cách tích cực, sáng tạo.

Đối với dạy học Địa lí, có thể phân biệt hai khối kiến thức cơ bản: kiến thức thực tế và kiến thức lí thuyết. Trong dạy học, giáo viên phải rất chú ý lựa chọn các kiến thức thực tế sao cho tiêu biểu, gây ấn tượng với học sinh và không đưa vào quá nhiều thông tin làm rối trí học sinh. Trong việc hình thành các biểu tượng địa lí, các phương tiện dạy học trực quan như mô hình, bản đồ, các trích đoạn video clip có vai trò quan trọng.

Các kiến thức lí thuyết (khái niệm, thuật ngữ, các mối liên hệ và quan hệ nhân quả) là phần kiến thức quan trọng nhất. Trong dạy học Địa lí cần chú trọng lựa chọn thuật ngữ và trình bày nội dung khoa học của thuật ngữ đó phù hợp với trình độ của học sinh.

Học sinh cần được học từ thấp đến cao về các mối liên hệ và quan hệ nhân quả diễn ra trong thiên nhiên, trong xã hội, cũng như trong mối quan hệ giữa xã hội, con người và môi trường. Những tác động của thiên nhiên tới đời sống và hoạt động sản xuất của con người ở các địa phương khác nhau thường được nhấn mạnh trong dạy học Địa lí. Ngoài ra, tác động của hoạt động kinh tế tới môi trường và tài nguyên thiên nhiên cần được chú ý đầy đủ hơn, nhất là trong việc tích hợp nhiệm vụ giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục vì sự phát triển bền vững trong phân môn Địa lí.

Trong dạy học Địa lí cần chú ý rèn luyện khả năng sử dụng các công cụ của Địa lí học như bản đồ, atlas, biểu đồ, bảng số liệu thống kê, một số ứng dụng trong điện thoại thông minh như la bàn, bản đồ chỉ đường (Google Map,...), GPS (hệ thống định vị toàn cầu). Giáo viên cần tranh thủ các cơ hội phù hợp để rèn luyện khả năng và thói quen liên hệ với thực tế địa phương, thực tế đất nước, cũng như khi tiếp nhận thông tin từ các phương tiện thông tin đại chúng để phát triển tư duy địa lí. Trong các phương tiện dạy học tối thiểu, cần có các bản đồ giáo khoa treo tường phục vụ trực tiếp cho các nội dung tương ứng ở các lớp học, các tập Atlas địa lí tự nhiên đại cương, Atlas Địa lí các châu lục, Atlas Địa lí Việt Nam, các tranh ảnh địa lí, các đĩa DVD tra cứu với các tài liệu đa phương thức multimedia, các sách e-book, một số công cụ khảo sát ngoài trời như địa bàn, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế,...

Đa dạng hoá và linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: Kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, học ngoài thực địa, học theo dự án học tập,... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Lịch sử và Địa lí.

Đối với phân môn Lịch sử, phương pháp dạy học Lịch sử chỉ đạt được hiệu quả khi việc học tập trở thành quá trình tìm kiếm sự thật lịch sử. Học sinh được hướng dẫn đọc hiểu, giải mã văn bản lịch sử thông qua các kênh hình, kênh chữ, hiện vật lịch sử,... để từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức sự thật lịch sử, đưa ra suy luận, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự tiến hoá của sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử cũng như quá trình phát triển của lịch sử nói chung. Học sinh cần được trang bị phương pháp tự học, được dạy cách khai thác các nguồn sử liệu, xác minh thông tin, cách phân tích sự kiện, hiện tượng lịch sử và tự mình rút ra những nhận xét, đánh giá. Những điều này tạo cơ sở phát triển ở học sinh năng lực tự học, năng lực học lịch sử suốt đời và khả năng ứng dụng vào cuộc sống những hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội Việt Nam và thế giới.

Đối với phân môn Địa lí, phương pháp dạy học Địa lí cần hình thành và phát huy ở học sinh năng lực tư duy không gian, với các câu hỏi Cái gì? Ở đâu? Như thế nào? Các hình mẫu không gian? Các đặc trưng của một địa phương, quốc gia? Học sinh phải trực tiếp tham gia vào quá trình tìm kiếm thông tin, học cách sắp xếp kiến thức theo một logic nhất định, phát hiện các mối liên hệ và quan hệ nhân quả giữa các hiện tượng và quá trình địa lí. Phương pháp dạy học Địa lí gắn liền với việc khai thác tri thức từ các nguồn tư liệu bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu. Phương pháp dạy học Địa lí cũng gắn liền với dạy học khám phá, quan sát thực địa. Thông qua việc học sinh học khám phá mối quan hệ qua lại giữa môi trường địa lí và xã hội loài người mà hình thành các năng lực và thái độ liên quan đến phát triển bền vững. Phương pháp dạy học Địa lí phải khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của học sinh đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, trên cơ sở đó hình thành năng lực tự học suốt đời và khả năng vận dụng tri thức vào cuộc sống.

Thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy học đa dạng, giáo viên giúp học sinh phát huy năng lực sáng tạo trong học tập Lịch sử và Địa lí, trở thành “người đóng vai lịch sử”, hay “người làm lịch sử” để khám phá kiến thức lịch sử; và học sinh cũng học cách “làm địa lí”, vận dụng sáng tạo kiến thức vào các tình huống học tập và thực tiễn cuộc sống. Việc kết hợp các thành tựu của khoa học giáo dục hiện đại với việc sử dụng một cách tích cực các phương pháp nghiên cứu liên ngành là chìa khoá thành công của quá trình dạy học môn Lịch sử và Địa lí.

## **VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

Việc đánh giá kết quả giáo dục cần được dựa trên các phương diện cần đánh giá là: các phẩm chất và năng lực chung; các năng lực chuyên môn Lịch sử và Địa lí. Trong đánh giá kết quả học tập, chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử hay địa lí làm trung tâm của

việc đánh giá. Bên cạnh nội dung lí thuyết, coi trọng việc đánh giá các kĩ năng thực hành lịch sử và địa lí (làm việc với bản đồ, atlas, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát; thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,...).

Đa dạng hoá các hình thức và phương pháp đánh giá như: bài thi/bài kiểm tra theo hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan; kiểm tra miệng, quan sát, thực hành, bài tập, các dự án/sản phẩm học tập, nghiên cứu khoa học kĩ thuật,...

Về phương thức đánh giá: bao gồm cả đánh giá định tính, đánh giá định lượng và sự kết hợp định tính với định lượng, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

## VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng dành cho môn học là 105 tiết/lớp/năm,

Phân bổ thời lượng cho các mạch nội dung lớn như sau:

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Toàn cấp
<b>Địa lí</b>					<b>42</b>
Địa lí tự nhiên đại cương	45				11
Địa lí các châu lục		42			11
Địa lí tự nhiên Việt Nam			41		10
Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam				40	10
<b>Lịch sử</b>	<b>45</b>	<b>42</b>	<b>41</b>	<b>40</b>	<b>42</b>
Thế giới	22	20	20	19	20
Việt Nam	23	22	21	21	22
<b>Chủ đề chung</b>		<b>6</b>	<b>8</b>	<b>10</b>	<b>6</b>
<b>Ôn tập, kiểm tra</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>
<b>Tổng số</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>



Nội dung về lịch sử địa phương và địa lí địa phương do các địa phương chủ động thiết kế theo hướng dẫn riêng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong phạm vi nội dung giáo dục địa phương.

## **2. Về logic phát triển chương trình và một số lưu ý khi dạy học các kiến thức cơ bản**

Nội dung giáo dục lịch sử của cả ba cấp khác với chương trình trước đây ở chỗ hầu như không thiết kế đồng tâm từ thấp lên cao. Ở cấp trung học cơ sở, học sinh sẽ được học từ nguyên thủy cho đến ngày nay. Do đó những sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu của lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc được sắp xếp theo lịch đại. Sự khác biệt về mức độ chương trình trung học cơ sở không phải chỉ ở khối lượng nội dung, ở chi tiết các sự kiện lịch sử, mà điều chủ yếu là mức độ nhận thức rất cơ bản ở trung học cơ sở về bản chất của các sự kiện lịch sử, về nguyên nhân của các biến chuyển lịch sử, của sự đa dạng các mô hình xã hội, về lí luận nhận thức xã hội và ở sự chú trọng rèn luyện các kĩ năng học tập, vận dụng kiến thức vào các tình huống mới.

Ở cấp trung học cơ sở, căn cứ vào tâm lí lứa tuổi của học sinh và đặc điểm môn học, chương trình Địa lí được phát triển theo logic: từ địa lí tự nhiên đại cương ở lớp 6 đến địa lí các châu lục ở lớp 7, sau đó đến địa lí tự nhiên Việt Nam (lớp 8) và địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam (lớp 9). Logic này đảm bảo để khi hoàn thành chương trình môn học ở trung học cơ sở, học sinh sẽ có kiến thức khá cơ bản và phổ thông về địa lí học, đặc biệt là về địa lí Việt Nam để học tiếp trung học phổ thông hay tham gia lao động sau trung học cơ sở.

Trong dạy học địa lí, quá trình hình thành khái niệm cơ bản thường là đi từ biểu tượng địa lí đến khái niệm địa lí. Việc hình thành biểu tượng địa lí càng có ý nghĩa quan trọng đối với các học sinh nhỏ tuổi, ở đây là các học sinh lớp 6, lớp 7; quá trình này đảm bảo cho học sinh dễ ghi nhớ các biểu tượng và các khái niệm, kết nối được khái niệm với cuộc sống thực tế. Hình thành khái niệm cơ bản là một quá trình, trong một số trường hợp phải thông qua nhiều bài, nhiều chương. Có những khái niệm phải được hình thành từng bước trong cả một cấp học, một chương trình môn học. Đây là điều mà giáo viên rất cần lưu ý khi dạy học, để tránh quá tải ở lớp dưới, và tạo sự liên kết dọc giữa các lớp. Nhiều khái niệm của địa lí tự nhiên đại cương chỉ được hình thành bước đầu ở lớp 6, sau đó được phát triển thêm ở lớp 7, lớp 8. Ví dụ, khái niệm về hoàn lưu khí quyển ở lớp 6 chỉ được trình bày qua sơ đồ về các vành đai khí áp và gió. Khái niệm về hoàn lưu khí quyển được sử dụng và phát triển khi học sinh học Địa lí 7, chẳng hạn như hoàn lưu gió mùa được nói đến ở khu vực châu Á gió mùa. Còn các khái niệm liên quan đến front hay hội tụ nhiệt đới có thể được sử dụng khi học sinh học ở lớp 8, lớp 9 về địa lí Việt Nam. Một số

khái niệm về địa lí kinh tế – xã hội có thể được đề cập ở chừng mực đơn giản ở lớp 7, sẽ được sử dụng ở cấp độ cao hơn khi học về địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam ở lớp 9. Những khái niệm có tính liên môn càng đòi hỏi thời gian dài hơn để hình thành và phát triển.

### **3. Vận dụng chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng học sinh**

Việc dạy và học môn Lịch sử và Địa lí ở các vùng, miền, các trường chuyên biệt được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình cần đảm bảo để mọi học sinh đều đạt được chuẩn kiến thức và kỹ năng bộ môn. Những học sinh có năng khiếu về Lịch sử, Địa lí hoặc có nhu cầu học Lịch sử, Địa lí sâu hơn được khuyến khích và được tạo điều kiện để phát triển năng khiếu.

– Lớp 6 là lớp đầu cấp trung học cơ sở nên điều quan trọng là khơi dậy trí tò mò, ham hiểu biết của học sinh đối với thế giới tự nhiên và về một số hiện tượng đời sống xã hội. Tuy nhiên, với lớp 6 cũng cần chú trọng hình thành tư duy địa lí (bao gồm tư duy không gian và tư duy sinh thái) nhưng không cần giải thích cơ chế trong mối quan hệ nhân quả. Trong nhiều trường hợp chỉ cần biết “nếu điều A xảy ra thì... điều B sẽ xảy ra”, chẳng hạn như: việc trồng nhiều cây xanh sẽ làm cho không khí trong lành hơn, nhiều oxy hơn và giảm được lượng khí carbonic. Đối với học sinh lớp 6, cần chú ý rèn luyện khả năng quan sát (quan sát bản đồ, biểu đồ, hình ảnh, quan sát thiên nhiên ngoài thực tế,...), khuyến khích học sinh đưa ra ý kiến riêng. Trong dạy học Lịch sử, cần chú ý hình thành và phát triển năng lực tái hiện và trình bày lịch sử, đồng thời khuyến khích học sinh đưa ra ý kiến riêng khi giải thích lịch sử.

– Ở các lớp 7, 8, 9 học sinh đã được học ngày càng nhiều hơn, có hệ thống hơn về lịch sử, địa lí thế giới và lịch sử, địa lí Việt Nam, tư duy trừu tượng và tư duy tổng hợp cũng phát triển hơn. Do vậy, đối với học sinh giỏi của các lớp này, cần củng cố và phát triển tư duy địa lí, tìm ra được các mối liên hệ và quan hệ giữa các đối tượng, hiện tượng và quá trình địa lí; từng bước cho học sinh nắm được và vận dụng giải thích các mối quan hệ nhân quả phức tạp trong thiên nhiên, cũng như giữa thiên nhiên và hoạt động kinh tế của con người. Chú ý phát triển ở học sinh năng lực sử dụng các công cụ địa lí: kỹ năng đọc và phân tích bản đồ, atlas; vẽ và phân tích biểu đồ; phân tích số liệu thống kê; khai thác Internet để tìm kiếm thông tin bổ sung và cập nhật kiến thức. Đối với học sinh giỏi và ham thích học Lịch sử, cần củng cố và phát triển các năng lực chuyên môn Lịch sử, trong đó chú trọng năng lực nhận diện và hiểu tư liệu lịch sử, năng lực giải thích lịch sử, năng lực đánh giá lịch sử. Các dạng bài tập có tính chất dự án nghiên cứu cần được khuyến khích, nhất là khi học các nội dung về địa

lí và lịch sử Việt Nam (lớp 8, 9); tổ chức hoạt động theo nhóm để phát huy năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp và khả năng tổ chức của cá nhân học sinh và tạo điều kiện để học sinh vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

– Đối với học sinh khiếm thị, cần có phương pháp dạy học phát huy trí tưởng tượng của học sinh do các em không cảm thụ được hình ảnh, mà chỉ qua âm thanh. Đối với học sinh khiếm thính, cần tăng cường các thiết bị hình ảnh (tranh ảnh, video, sơ đồ, lược đồ). Tốc độ tiếp thu kiến thức mới của các học sinh khuyết tật gặp nhiều khó khăn, do vậy khi phát triển chương trình cần lựa chọn các nội dung tinh giản, chú trọng hai mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu, đồng thời chú trọng năng lực vận dụng đối với những tình huống thiết thực cho cuộc sống của học sinh (chẳng hạn đối với kỹ năng sử dụng bản đồ để tìm đường đi,...).

– Đối với học sinh ở các vùng khó khăn (biên giới, hải đảo, vùng hay bị lũ lụt làm gián đoạn học tập) cần phát triển chương trình theo hướng tinh giản, có thể tổ chức thành các mô-đun để giảng dạy ngắn gọn.

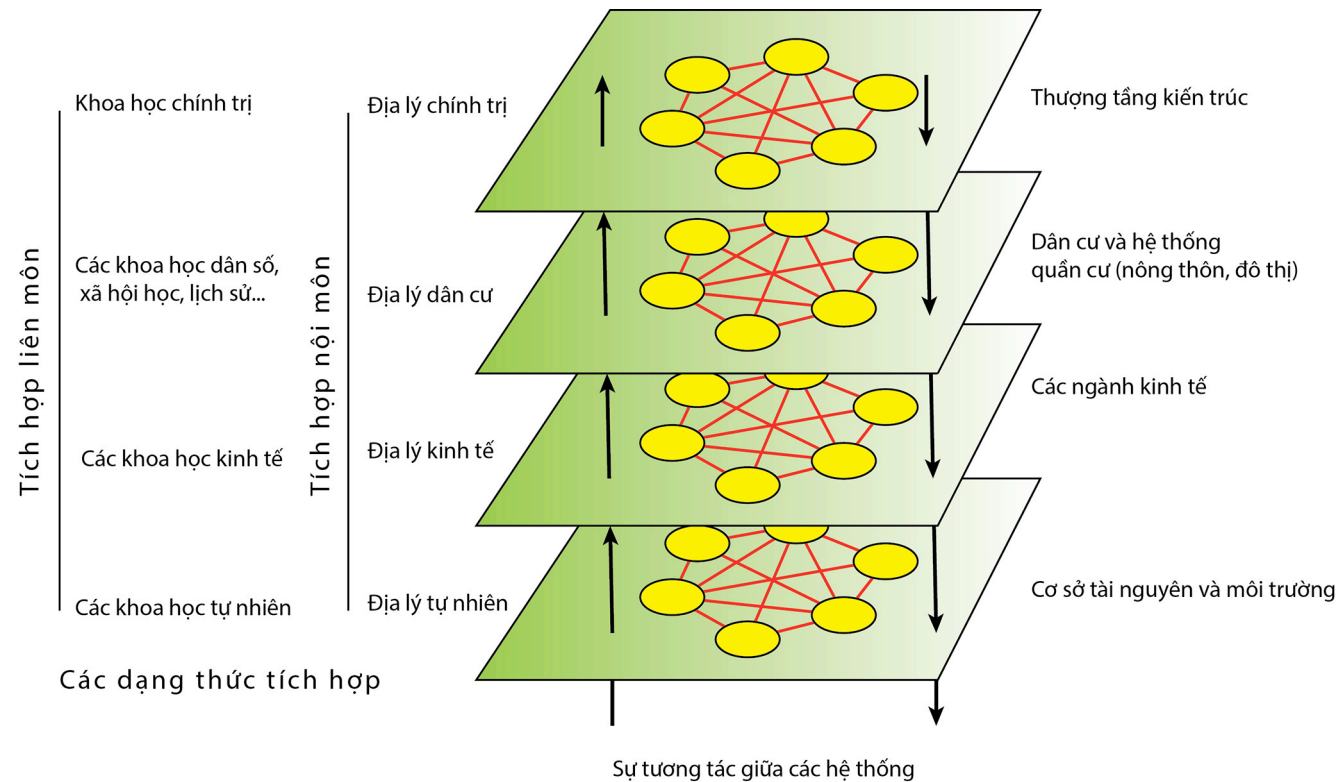
#### **4. Tích hợp trong dạy học**

##### ***4.1. Tích hợp nội môn***

Tích hợp nội môn được hiểu là tích hợp những nội dung của các môn, các nội dung thuộc cùng môn học theo các chủ đề, các chương, bài cụ thể nhất định. Đây chính là việc hệ thống hoá theo từng khối kiến thức, nhằm làm nổi bật tư tưởng chủ đạo của nội dung môn học. Tích hợp nội môn còn thể hiện rõ cấu trúc môn học làm sao để thuận lợi cho việc hệ thống hoá kiến thức môn học. Tích hợp nội môn Lịch sử thể hiện rõ mối quan hệ giữa bản chất của khoa học Lịch sử với những ưu tiên trong giáo dục Lịch sử. Trong dạy học Lịch sử, có thể đi từ riêng lẻ đến khái quát là chủ đạo, đồng thời chú ý đến trình độ nhận thức của học sinh. Chương trình và sách giáo khoa trước đây viết riêng lịch sử thế giới, sau đó là lịch sử Việt Nam. Trong chương trình Lịch sử ở trung học cơ sở, trục xuyên suốt là lịch đại (thời gian), vì thế, ở mỗi giai đoạn lịch sử đều cố gắng thiết kế theo mô hình: thế giới – khu vực – Việt Nam – lịch sử địa phương, *trong đó lấy lịch sử Việt Nam làm trọng tâm*, chiếm 60% thời lượng của chương trình. Ở lớp 6, học sinh học về lịch sử thế giới và Việt Nam từ thời nguyên thủy đến thời cổ đại, ở lớp 7 học về lịch sử thế giới và Việt Nam thời cổ đại đến thời trung đại, ở lớp 8 học về lịch sử thế giới và Việt Nam từ thời trung đại đến thời cận đại, ở lớp 9 học về lịch sử thế giới và Việt Nam thời hiện đại. Việc đặt lịch sử Việt Nam trong bối cảnh của lịch sử thế giới và khu vực trong những thời đại và giai đoạn lịch sử nhất định không chỉ giúp học sinh hiểu sâu sắc hơn lịch sử dân tộc, mà còn giúp học sinh hiểu đúng vị trí của Việt Nam trong tiến trình lịch sử nhân loại,

những đóng góp của dân tộc Việt Nam đối với những tiến bộ của xã hội loài người, từ đó học sinh có niềm tự hào dân tộc và ý thức dân tộc chính đáng. Cấu tạo chương trình cũng tạo điều kiện để gắn kết lịch sử địa phương với lịch sử dân tộc; và lịch sử quân sự – chính trị – ngoại giao – kinh tế – văn hoá với nhau. Theo định hướng này, chương trình cố gắng tối đa để đạt được sự phù hợp về đồng đại và lịch đại. Nếu giai đoạn nào không theo được mô hình như đã định thì tìm cách điều chỉnh sao cho phù hợp với sự phát triển của tiến trình lịch sử.

Do bản chất khoa học, nên tích hợp trong khoa học địa lí, cũng như trong dạy học Địa lí là tích hợp đa tầng và đa chiều, không đơn giản là tích hợp “song phương” giữa Địa lí và một môn học nhất định.



Cấu trúc thẳng đứng của một lãnh thổ

**Hình 1. Sơ đồ nguyên lý về tích hợp trong dạy học Địa lí**

Trong sơ đồ trên, tầng thấp nhất là điều kiện tự nhiên và cơ sở tài nguyên của lãnh thổ. Nó là cơ sở cho sự phát triển kinh tế, cho sự thịnh vượng của lãnh thổ. Điều kiện tự nhiên và cơ sở tài nguyên bị biến đổi do sự khai thác kinh tế, và sự biến đổi này lại tác động trở lại đến nền kinh tế, đến dân cư, quần cư và đến tận thượng tầng kiến trúc.

Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế tạo nên cơ cấu kinh tế của lãnh thổ, là sức ép trực tiếp lên môi trường, tài nguyên. Các hình mẫu về phân bố dân cư, các kiểu quần cư (nông thôn, đô thị) là dựa trên sự phân bố của các hoạt động kinh tế, đồng thời cũng tạo động lực và sức ép lên nền kinh tế.

Thượng tầng kiến trúc, trong đó có thể chế, chính sách, tập quán, văn hoá, đạo đức xã hội,... là nơi xử lý các thông tin được phản hồi từ các hệ thống bên dưới, nhưng cũng là nơi “ra quyết định”, từ đó tác động mạnh mẽ vào toàn bộ hệ thống, cho đến tận môi trường và cơ sở tài nguyên.

Như vậy khả năng về tích hợp nội môn và liên môn trong dạy học Địa lí là rất lớn, còn việc vận dụng sẽ là từ thấp đến cao. Trong mọi trường hợp đều có khả năng thực hiện tích hợp nội môn, và điều này làm tăng chất lượng dạy học Địa lí, tăng hứng thú cho học sinh khi học Địa lí.

#### ***4.2. Tích hợp lịch sử – địa lí trong nội dung cụ thể của chương***

Sự bổ sung lẫn nhau giữa tư duy lịch sử và tư duy địa lí khi học Lịch sử đòi hỏi học sinh biết đặt các sự kiện lịch sử trong các bối cảnh địa lí, biết đánh giá tác động của các nhân tố địa lí đối với tiến trình lịch sử. Đối với sự hình thành các xã hội cổ đại, các vương quốc cổ, đó là các điều kiện cổ địa lí của chính thời đại đó. Vì thế, ngay ở chương trình lớp 6, trong nội dung dạy học về xã hội cổ đại (Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại, Ấn Độ cổ đại, Trung Quốc cổ đại, Hy Lạp và Roma cổ đại), về sự hình thành các vương quốc cổ ở Đông Nam Á, các nhân tố địa lí đã được chọn lọc để lí giải sự hình thành các xã hội cổ đại và các vương quốc cổ này. Việc sử dụng thường xuyên các bản đồ lịch sử trong dạy học sẽ nâng cao chất lượng dạy học Lịch sử.

Sự bổ sung lẫn nhau giữa tư duy lịch sử và tư duy địa lí đòi hỏi học sinh khi học Địa lí biết phân tích tầm cỡ ảnh hưởng của các sự kiện lịch sử đối với các quá trình địa lí, phân tích các đối tượng địa lí trong sự vận động và phát triển, biết đặt các phân tích địa lí trong bối cảnh lịch sử cụ thể. Khi xem xét một hiện tượng địa lí có quá trình hình thành, phát triển, biến đổi, suy thoái, thực ra là đã thấm nhuần quan điểm lịch sử. Ngay ở cuối chương trình lớp 6, khi học về loài người trên Trái Đất học sinh đã có thể sử dụng kiến thức lịch sử về xã hội cổ đại, đặc biệt là có thêm dẫn chứng về loài người là lực lượng hùng

manh làm thay đổi thiên nhiên Trái Đất. Những kiến thức về lịch sử xã hội loài người đã được lồng ghép hoặc được khai thác từ các bài Lịch sử ở các bài Địa lí 7 (Đặc điểm dân cư, xã hội, bản đồ chính trị của các châu lục), Địa lí 8 (Biển đảo Việt Nam), và Địa lí 9.

### ***4.3. Tích hợp theo các chủ đề***

Chương trình có một số chủ đề tích hợp giữa lịch sử và địa lí với thời lượng phù hợp ở các lớp. Chương trình, nhất là sách giáo khoa sau này sẽ sử dụng kiến thức liên môn một cách rộng hơn trong các chương bài của Lịch sử, có sự kết nối với ngày nay.

Nội dung về các chủ đề này được trình bày cụ thể ở mục 5.

### ***4.4. Kết hợp giáo dục các vấn đề khác (môi trường, giới, phát triển bền vững,...) vào trong môn học và với các hoạt động giáo dục***

Do bản chất của khoa học địa lí có tính tích hợp cao, nên chương trình này chứa đựng khả năng tích hợp nhiều chủ đề cần thiết, có tính thời sự và cũng có ý nghĩa lâu dài, ví dụ như giáo dục môi trường, giáo dục dân số, giáo dục về giới, giáo dục vì sự phát triển bền vững,... Cần lưu ý rằng, việc tích hợp đúng mức trong giáo dục về các vấn đề có liên quan, khai thác những thế mạnh của địa lí học, sẽ không làm tổn hại đến giáo dục địa lí, mà ngược lại, làm cho nội dung dạy học địa lí trở nên sinh động hơn, thiết thực hơn, hấp dẫn hơn đối với học sinh. Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh rằng việc này đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn của giáo viên, để biến những nội dung được tích hợp này trở thành bộ phận hữu cơ của bài học, không khiên cưỡng, không hình thức.

Những nội dung tích hợp này có thể được đưa vào hợp lí nhất trong chương trình về Địa lí đại cương (lớp 6), Địa lí Việt Nam (lớp 8, lớp 9).

## **5. Giải thích và hướng dẫn về dạy học các chủ đề tích hợp lịch sử – địa lí**

Về xây dựng chủ đề chung, có hai cách tổ chức.

### ***5.1. Triển khai chủ đề gắn với từng phân môn, với mức độ kiến thức Lịch sử, Địa lí khác nhau***

Cách làm này đảm bảo tính uyển chuyển, chủ động trong thiết kế chương trình của mỗi phân môn, bởi vì Địa lí chọn cách tiếp cận về không gian, nên chọn cách thiết kế chương trình Đại cương – Thế giới – Việt Nam và cuối cùng là Địa lí địa phương. Còn Lịch sử chọn cách tiếp cận theo tiến trình lịch sử, nên thiết kế chương trình Nguyên thủy – Cổ đại – Trung

đại – Cận đại – Hiện đại. Cách làm này khai thác theo thế mạnh của mỗi phân môn, và tùy theo thiết kế của phân môn mà một chủ đề có thể dạy vào thời điểm này ở phân môn A, nhưng lại có thể dạy sớm hơn hay muộn hơn ở phân môn B.

### **5.2. Triển khai chủ đề tích hợp cả Lịch sử – Địa lí**

Việc xây dựng chủ đề chung, tích hợp cả Lịch sử – Địa lí dựa trên việc tìm ra những nội dung gần nhau, những chỗ giao nhau hoặc những vấn đề lớn chung. Trong kinh nghiệm dạy học tích hợp trên thế giới, chỗ giao nhau là thuộc về ngoại biên, xa với cái cốt lõi của môn học tạo nên nội dung tích hợp, nên việc tích hợp cần được cân nhắc để giảm thiểu sự hy sinh đặc trưng cốt lõi của các khoa học tạo nên sự tích hợp đó.

Trong chương trình này, các chủ đề được lựa chọn là: Các cuộc đại phát kiến địa lí; Đô thị: Lịch sử và hiện tại; Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam

Kì vọng khi dạy học các chủ đề tích hợp Lịch sử – Địa lí là tạo ra không gian môn học, ở đó học sinh có thể vận dụng các khái niệm cơ bản của Lịch sử và Địa lí, tìm hiểu thêm các tư liệu lịch sử và địa lí dưới sự hướng dẫn của giáo viên, rèn luyện tư duy lịch sử và tư duy địa lí, và như vậy là học cách “làm” Lịch sử và “làm” Địa lí. Trong dạy học các chủ đề tích hợp, phương pháp dạy học sẽ được tùy biến cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Các chủ đề này được dạy rải ra ở các lớp khác nhau, nên giáo viên sẽ thiết kế thành các chủ đề phụ để triển khai phù hợp với nội dung chính học sinh được học ở lớp đó. Các kết quả học tập có thể được thực hiện dưới dạng các bài tập dự án, các bài tập làm việc theo nhóm,...

– Chủ đề Các cuộc đại phát kiến địa lí. Các cuộc đại phát kiến địa lí có ý nghĩa hết sức to lớn về mặt lịch sử giao thương trên thế giới. Trong số này phải kể đến các cuộc đại phát kiến của Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522). Hai cuộc đại phát kiến địa lí này đã mở đầu cho thời kì thực dân hoá các vùng đất mới, đánh dấu thời kì phát triển mới của lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa, và cũng đánh dấu thời kì đầu của toàn cầu hoá. Đối với địa lí học, nhờ các phát kiến địa lí cả về sau này (chuyến đi vòng quanh thế giới (1831 – 1836) của nhà bác học Charles Darwin và học thuyết tiến hoá các loài), địa lí học đã bước vào thời kì tích lũy các dữ kiện khổng lồ về Trái Đất, phát triển nên địa lí học hiện đại cũng như các khoa học trái đất khác. Tuy nhiên, do cấu tạo chương trình Địa lí, những nội dung về các cuộc phát kiến địa lí không được dạy riêng mà chỉ được nhắc đến trong những phần học về châu Mỹ. Như vậy, chủ đề này có nội dung lịch sử nhiều hơn, nhưng các học sinh

khi học về Địa lí sẽ được hưởng lợi từ những kiến thức lịch sử, và làm cho các bài học địa lí về các vùng đất Tân thế giới sinh động hơn.

– Chủ đề Đô thị: Lịch sử và hiện tại. Chủ đề này được dạy một phần ở lớp 7, nhưng trọng tâm là ở lớp 9. Đây là chủ đề được quan tâm nhiều, có thể được đề cập trong nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, từ cổ đại, trung đại, đến cận đại và hiện đại.

Ở lớp 7, học sinh được học về các đô thị cổ đại và các nền văn minh cổ đại; các đô thị trung đại châu Âu và giới thương nhân (tương ứng với các thời đại lịch sử); đô thị và đô thị hoá (khi học địa lí các châu lục). Học sinh cũng được nghiên cứu về một số xu hướng đô thị hoá trên thế giới (châu Âu, châu Á, châu Mỹ).

Ở lớp 9, học sinh được học sâu hơn về đô thị hoá trên thế giới, hiểu được rằng các đô thị hiện đại là nơi tập trung quyền lực và các nguồn lực phát triển; do vậy, đô thị hoá trên thế giới đã tạo ra động lực mạnh mẽ của sự phát triển, nhưng đô thị hoá không phù hợp có thể làm tăng thêm sự bất bình đẳng trong phát triển vùng. Học sinh được nghiên cứu về đô thị hoá ở Việt Nam, thấy rằng việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã thúc đẩy đô thị hoá tăng tốc.

– Chủ đề Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. Chủ đề này được dạy ở lớp 8 và lớp 9. Chủ đề này có nội dung lịch sử và văn hoá nhiều hơn, nhưng kiến thức địa lí được tích hợp vào đây rất nhuần nhuyễn. Ở lớp 8, học sinh tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển châu thổ, chế độ nước của các dòng sông chính, quá trình con người khai khẩn và cải tạo, chế ngự tự nhiên cũng như thích ứng với môi trường thiên nhiên, từ đó hình thành nên các nền văn hoá đặc sắc ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. Ở lớp 9, học sinh có thể hiểu được là tại sao ở đồng bằng sông Hồng, ông cha ta chọn việc đắp đê, trị thủy kết hợp thủy lợi (dẫn thủy nhập điền); còn ở đồng bằng sông Cửu Long, ông cha ta lại chọn chung sống với lũ, cùng nhiều vấn đề khác về sự khác biệt của hai nền văn minh châu thổ. Học sinh có dịp tìm hiểu, quan tâm đến tác động của biến đổi khí hậu đến hai vùng châu thổ, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, và suy nghĩ về các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở hai đồng bằng này.

– Chủ đề Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam được thiết kế một phần ở lớp 8 và một phần lớn hơn ở lớp 9. Những nội dung trong chủ đề này đan xen giữa Lịch sử và Địa lí. Ở lớp 8, học sinh được nghiên cứu về quá trình các chúa Nguyễn xác



lập chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, những bằng chứng về quá trình này, khẳng định “Biển là không gian sinh tồn của dân tộc Việt”.

Ở lớp 9, học sinh được nghiên cứu tiếp về quá trình thực thi chủ quyền đối với các vùng biển và hải đảo Việt Nam thời hiện đại. Ở góc độ địa lí, học sinh có các khái niệm cơ bản về các vùng biển và thềm lục địa mà Việt Nam khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền, đặc quyền kinh tế, theo Công ước Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) và Luật biển của Việt Nam; vai trò chiến lược của hệ thống đảo nước ta trong việc khẳng định chủ quyền và quyền chủ quyền vùng biển và thềm lục địa; cuộc đấu tranh để bảo vệ chủ quyền biển đảo; vai trò của kinh tế biển trong nền kinh tế Việt Nam hiện đại và trong việc phát huy chủ quyền biển đảo.

## **6. Thiết bị dạy học**

Để đảm bảo chất lượng dạy học môn Lịch sử và Địa lí, cần cung cấp đầy đủ ở mức cần thiết các thiết bị dạy học, nhằm thay đổi căn bản tình hình “dạy chay”, từng bước đưa trang bị và sử dụng các phương tiện kĩ thuật hiện đại trong dạy học. Các thiết bị dạy học tối thiểu môn Lịch sử và Địa lí bao gồm một số loại hình như sau:

- Các bản đồ giáo khoa treo tường (về thế giới, các khu vực, Việt Nam) phù hợp với nội dung của từng chủ đề của từng lớp học và phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh;
- Các tập Atlas địa lí tự nhiên đại cương, Atlas địa lí các châu lục và Atlas địa lí Việt Nam. tập bản đồ lịch sử.
- Mô hình hiện vật, tranh lịch sử, ảnh, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...;
- Các mẫu vật về tự nhiên;
- Các tranh ảnh (in trên giấy, hình digital tĩnh và động), các sơ đồ, lược đồ, các video clips được biên tập cho mục đích giáo dục, phù hợp với nội dung của từng chủ đề;
- Các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; Các tờ bài tập (bản đồ/lược đồ, biểu đồ, sơ đồ);
- Các dụng cụ, thiết bị thông thường để quan sát tự nhiên (địa bàn, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế).
- Một số dụng cụ thực hành, thực địa
- Các thư viện digital chứa các kho tư liệu dạy học Lịch sử và Địa lí.
- Phần mềm dạy học.

Ở những địa phương có điều kiện, nên tổ chức các phòng bộ môn.

Việc sử dụng các thiết bị dạy học có mục đích chủ yếu nhằm tạo điều kiện cơ sở vật chất kĩ thuật để tổ chức các hoạt động học tập, tự tìm tòi tri thức lịch sử và địa lí của học sinh một cách tích cực, sáng tạo.

## **7. Một số thuật ngữ chủ yếu dùng trong văn bản chương trình môn học**

### **7.1. Thuật ngữ lịch sử**

– Lịch sử thế giới hay còn gọi là lịch sử loài người, bắt đầu từ thời đại đồ đá cũ. Khác với lịch sử Trái Đất (nó gồm cả lịch sử địa chất Trái Đất và lịch sử tiến hoá sự sống trước khi có sự xuất hiện của con người).

– Cổ đại: chỉ thời kì lịch sử đầu tiên của loài người, trước thời trung đại. Điểm khởi đầu thời cổ đại thay đổi theo cách hiểu khác nhau về khái niệm lịch sử: có thể là từ khi xuất hiện loài người (nếu cho rằng từ lúc đó đã là lịch sử) hoặc từ khi có chữ viết (nếu cho rằng, trước đó mới chỉ là thời tiền sử và sơ sử). Nhiều ý kiến còn coi mốc kết thúc của thời cổ đại trên phạm vi thế giới là sự sụp đổ của đế quốc Roma (khoảng năm 467). Ngày nay, cổ đại thường được quan niệm một cách mềm dẻo hơn. Đó là thời đại của các quốc gia đầu tiên (theo chế độ chuyên chế cổ đại hoặc chiếm hữu nô lệ) ở các khu vực trên thế giới hoặc là thời đại của những nền văn minh đầu tiên của nhân loại. Trong từng nước, khung thời gian của thời cổ đại thường không khớp nhau. Ở Việt Nam, nhiều người quan niệm cổ đại là thời đại của những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay (Văn Lang – Âu Lạc, Phù Nam và Champa), trong khoảng thiên niên kỉ I trước Công nguyên và thiên niên kỉ I sau Công nguyên.

– Trung đại: thời kì lịch sử nằm sau cổ đại và trước cận đại, “thời kì ở giữa” theo nghĩa tiếng Anh “Middle Age”, hay tiếng Pháp “Moyen Age”. Người Tây Âu hiểu “ở giữa” là giữa cổ đại và thời của họ, mà họ gọi là “Thời mới” (“Temps moderne”). Về niên đại cụ thể, có người coi là từ sự sụp đổ của đế quốc Roma (476) đến cuộc phát kiến địa lí đầu tiên (1488). Từ điển “Larousse” giải thích: trung đại là thời gian từ năm 395 (khi đế quốc đó bị chia làm hai, Đông và Tây đế quốc Roma) đến 1453 (khi người Turk chiếm Constantinople và cản trở đường tiếp xúc của châu Âu với phương Đông). Nếu hiểu theo xuất xứ của từ ngữ thì ý nghĩa và niên điểm của trung đại chỉ có thể ứng với lịch sử Tây Âu. Về sau nhiều nhà sử học gắn ý nghĩa của thời trung đại với một thời kì phát triển kinh tế – xã hội mà nội dung của nó là thời kì tồn tại chủ yếu của chế độ phong kiến. Như thế, vấn đề sẽ phức tạp hơn vì năm bắt đầu và kết thúc của chế độ phong kiến ở mỗi nước khác nhau. Mốc

kết thúc ở châu Âu có thể là thế kỉ XVI (Hà Lan) hoặc XVII (Anh) hoặc XVIII (Pháp), còn ở châu Á nói chung là thế kỉ XIX. Do đó, đối với lịch sử dân tộc, người ta thường thận trọng khi dùng thuật ngữ phân kì lịch sử đại cương.

– Cận đại: là thuật ngữ được dùng để chỉ thời kì lịch sử tiếp nối thời trung đại, có liên quan tới thời hiện đại. Có nhiều cách giải thích khác nhau về khung thời gian của lịch sử cận đại thế giới, theo những tiêu chí chính trị và văn minh: hoặc từ khi đế quốc Ottoman xâm chiếm Constantinople (1453) đến Cách mạng tư sản Pháp (1789), hoặc từ Cách mạng tư sản Anh (1640) đến Cách mạng tháng Mười Nga (1917), hoặc từ sau phát kiến địa lí (cuối thế kỉ XV) cho đến trước cuộc Cách mạng khoa học – kĩ thuật đương đại (giữa thế kỉ XX). Những nội dung lịch sử cơ bản thường được gắn liền với thời cận đại là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thế giới, cuộc cách mạng công nghiệp – cơ khí, sự ra đời và củng cố các thể chế nhà nước dân chủ, sự xung đột và sự giao lưu giữa hai nền văn minh Đông – Tây. Ở các nước phương Đông, thời cận đại thường được quan niệm bắt đầu bằng sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân Âu – Mỹ với những nội dung chính: quá trình xâm lược và chống xâm lược, sự chuyển biến hình thái kinh tế – xã hội theo chiều hướng tư bản chủ nghĩa, quá trình cải cách và cách mạng của những cơ cấu quyền lực chính trị. Đối với Việt Nam, khung thời gian của lịch sử cận đại được nhiều người chấp nhận là từ khi Pháp bắt đầu xâm lược (1858) cho tới Cách mạng tháng Tám 1945.

Trong tiếng Việt, thuật ngữ này theo nghĩa hẹp chỉ tương ứng với “hậu kì cận đại” (late modern period) bắt đầu vào giữa thế kỉ XVIII; theo nghĩa rộng, thuật ngữ này còn bao gồm cả “sơ kì cận đại” (early modern period) bắt đầu vào khoảng năm 1500 hoặc trước đó vài thập kỉ, diễn ra những sự kiện như nghệ thuật Phục hưng phổ biến rộng khắp châu Âu, Đế quốc Byzantine sụp đổ và thời đại Ánh sáng. Thời kì cận đại gắn liền với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, những tiến bộ công nghệ và các cuộc cách mạng.

– Hiện đại: chỉ thời kì lịch sử sau thời kì cận đại. Khái niệm về thời kì hiện đại trong lịch sử thế giới còn chưa thống nhất. Nhiều nước trên thế giới thường lấy mốc mở đầu lịch sử hiện đại của mình bằng sự kiện chính trị đánh dấu bước ngoặt lịch sử dân tộc. Ở Pháp, đó là cuộc Cách mạng tư sản 1789. Các nhà sử học Mácxít xem Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 là mốc mở đầu lịch sử hiện đại thế giới. Ở Việt Nam, thời kì lịch sử hiện đại được xác định thống nhất bắt đầu từ Cách mạng Tháng Tám 1945.

## 7.2. Thuật ngữ địa lí

– Địa lí tự nhiên: là một nhánh chính của khoa học địa lí, nghiên cứu một cách tổng hợp các thành phần cấu thành nên lớp vỏ địa lí của Trái Đất cũng như các bộ phận riêng biệt của Trái Đất. Địa lí tự nhiên thường được phân chia thành địa lí tự nhiên đại cương nghiên cứu các quy luật chung của lớp vỏ địa lí và các khoa học địa lí tự nhiên bộ phận nghiên cứu các địa quyển (như Địa mạo học nghiên cứu về địa hình; Khí hậu học và Khí tượng học nghiên cứu về khí quyển; Thủy văn học nghiên cứu về sông, hồ, nước ngầm; Thổ nhưỡng học nghiên cứu về lớp đất; Địa lí sinh vật nghiên cứu về các quần xã thực vật và động vật, các hệ sinh thái,...). Các địa hệ thống (các tổng hợp thể lãnh thổ địa lí tự nhiên) là đối tượng nghiên cứu của Cảnh quan học và phân vùng địa lí tự nhiên.

– Địa lí kinh tế – xã hội: là một nhánh chính của khoa học địa lí, nghiên cứu sự tổ chức lãnh thổ đời sống xã hội ở các nước, các vùng, các địa phương khác nhau. Địa lí kinh tế – xã hội bao gồm địa lí dân cư, địa lí kinh tế và địa lí xã hội.

– Địa lí dân cư: là một khoa học trong địa lí kinh tế – xã hội, nghiên cứu các quy luật và các đặc điểm không gian của sự hình thành và phát triển của cơ cấu dân cư hiện đại và của các điểm dân cư trong các điều kiện tự nhiên, lịch sử, kinh tế và xã hội khác nhau.

– Các công cụ địa lí: các phương tiện được sử dụng trong quá trình học tập, nghiên cứu địa lí. Số lượng công cụ địa lí ngày càng nhiều hơn, đặc biệt trong điều kiện của cách mạng công nghệ. Trong học tập địa lí, các công cụ sau đây được sử dụng rộng rãi: atlas địa lí và các loại bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, dụng cụ học tập ngoài trời,... Kỹ năng sử dụng các công cụ địa lí là một trong những nền tảng quan trọng để hình thành các năng lực chuyên môn Địa lí.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

### Tài liệu tiếng Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII (1998), *Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2012), *Kỉ yếu Hội thảo về dạy học Lịch sử ở trường phổ thông*, Đà Nẵng, 8/2012.
7. Viện Khoa học giáo dục Việt Nam (2016), *Xu thế phát triển chương trình giáo dục phổ thông trên thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### Tài liệu tiếng nước ngoài

#### Tài liệu tiếng Anh

8. *Australia Curriculum 8.2*, <http://www.acara.edu.au>.
9. Jeana Kriewaldt (series editor) et al. (2001), *Geography in SOSE 1: Introducing Australia and the World*, Macmillan Education Australia.
10. Jeana Kriewaldt (series editor) et al. (2001), *Geography in SOSE 2: Issues in Managing Environment*, Macmillan Education Australia.
11. Ministry of Education, Singapore (2016), *History Syllabus: Lower Secondary Express Course, Normal (Academic) Course, Implementation Starting with 2014 Secondary One Cohort*.

12. Ministry of Education, Singapore (2016), *Geography Syllabus: Lower Secondary Express Course, Normal (Academic) Course, Implementation Starting with 2014 Secondary One Cohort*.
13. National Center for History in the Schools, *About the National Standards for History*, <http://www.nchs.ucla.edu>
14. National Council for Geographic Education, *Geography for Life: National Geography Standards, Second Edition*, from <http://www.ncge.org/geography-for-life>.
15. *National Geography Standards Overview*, from [https://www.pdx.edu/geographyeducation/sites/www.pdx.edu.geography-education/files/7\\_Standards\\_Overview\[2\].pdf](https://www.pdx.edu/geographyeducation/sites/www.pdx.edu.geography-education/files/7_Standards_Overview[2].pdf).
16. UK Department for Education (2013), *The National Curriculum in England: Framework Document*.
17. Yee Sze Onn (general editor), Sian E. Jay, Solomon Lim, Edward Nathan (2004), *Our world – A Closer Look (Secondary 3)*, Federal Publications, Singapore.
18. Yee Sze Onn (General Editor), Khoo Ming, Tan Say Pin (2009), *Earth – Our Home (Full geography)*, Federal Publications, Singapore.

#### ***Tài liệu tiếng Pháp***

19. Le Curriculum de l'Ontario 2013 Révisé – *Etudes sociales de la 1<sup>re</sup> à la 6<sup>e</sup> année; Histoire et géographie 7<sup>e</sup> et 8<sup>e</sup> année*.
20. Ministère de l'Éducation Nationale – MENE0817481a (15-8-2008), *Programme d'enseignement d'histoire-géographie-éducation civique pour les classes de sixième, de cinquième, de quatrième et de troisième du collège*, from <http://www.education.gouv.fr/cid22116/mene0817481a.html>.
21. *Géographie*, 2e, sous la direction d'Alain Joyeux, Hachette Education, 2001.

#### ***Tài liệu tiếng Nga***

22. Министерство Образования Республики Беларусь (2014), *ГЕОГРАФИЯ: Учебная программа для VII—X классов первого отделения вспомогательной школы с русским языком обучения*, Минск.
23. Министерство Образования и Науки Российской Федерации (2014), *Федеральный государственный образовательный стандарт основного общего образования (5-9 кл.)*, <http://минобрнауки.рф/документы/938>.